

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 5/2
Round 2
Date 2026.7.18
Board 1

WHITE <u>Ding Yamen</u>				BLACK <u>Kirko Alisa Genrietta</u>				FED	RESULT (W)
BLACK <u>Kirko Alisa Genrietta</u>				WHITE <u>Ding Yamen</u>				FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Kf2	1.e4	41	Rh2	Re7	
2	1.f4	c6	22	Ke9	Kc9	42	Kd2	De8	
3	Re5	1.d4	23	dxc5	xc5	43	Kc5	De5	
4	c4	Kc6	24	1.d7	Kd6	44	KPp1	KPc5	
5	e3	Kc4	25	1.h4	De7	45	RRe2	RRe2	
6	Kd7	1.e5	26	Kc5	1.e4	46	KPp4	Kc4	
7	De5	Kc5	27	1.e1	De7	47	Kf6	De5	
8	De4	1.d7	28	De2	De6	48	De1	Kd5	
9	De2	1.e4	29	1.xa8	1.xa8	49	De2	Kf5	
10	De3	1.f4	30	1.a1	Kd1	50	De1	De3	
11	Kc5	1.d4	31	De1	R5	51	De2	h4	
12	1.e4	0-0	32	1.a2	De5	52	KPp7	De1	
13	0-0	1.d4	33	1.e4	De6	53	KP1	De1	
14	De2	h4	34	Kd2	h5	54	Kd7	De1	
15	h5	d5	35	De1	KPp5	55	Kd5	KPp5	
16	Kc5	De5	36	De1	De1	56			
17	De3	1.d7	37	KPp1	De9	57			
18	bxc2	Kc5	38	KPp2	De4	58			
19	1.e4	De1	39	De2	De7	59			
20	Cd6	De4	40	Kc5	De5	60			
SIGNATURE (WHITE) <u>Ding Yamen</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>Kirko Alisa Genrietta</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>[Signature]</u>	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 6/2
Round 2
Date 2026.7.18
Board 1

WHITE <u>Ding Yamen</u>				BLACK <u>Kirko Alisa Genrietta</u>				FED	RESULT (W)
BLACK <u>Kirko Alisa Genrietta</u>				WHITE <u>Ding Yamen</u>				FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Nd7	Rf8	41	Kh2	Qa1	
2	d4	c6	22	d4	Nc4	42	Nd7	Qa8	
3	cd	cd	23	ab	ab	43	Nc5	Qa5	
4	Bf4	Nc6	24	Rb1	Nb6	44	Kg1	Kf8	
5	e3	Nf6	25	Rf1	Re7	45	Kh2	Kg8	
6	Nc3	Bf5	26	Nc5	Ra8	46	Kg1	Kh7	
7	Qb3	Nd5	27	Ra1	Qc7	47	Kh2	Qa8	
8	Qa4	Bd7	28	Qb2	Qb6	48	Qb1	Kg7	
9	Qc2	Rc8	29	Ra8	Ra8	49	Qc2	Kg8	
10	Bd3	e6	30	Ra1	Kh7	50	Qb1	Qa3	
11	Nf3	Bb4	31	Qb1	g6	51	Qc2	h4	
12	Rc1	Qd0	32	Ra2	Qd5	52	Kg1	Qa1	
13	Qd0	ab	33	Ra8	Qa8	53	Kh2	Qe1	
14	Qe2	h6	34	Kh2	h5	54	Nd7	Qa1	
15	h3	b5	35	Qc2	Kg8	55	Nf6		
16	Ne5	Qe7	36	Qb2	Qb8	56			
17	Bg3	Bc3	37	Kg1	Qa8	57			
18	bc	Nc4	38	Kh2	Qa7	58			
19	Bd4	de	39	Qc2	Qc7	59			
20	Bh4	Qh4	40	Kg1	Qa5	60			
SIGNATURE (WHITE) <u>Ding Yamen</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>Kirko Alisa Genrietta</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>[Signature]</u>	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G12									
Round 2									
Date 7.18 Board 2									
White IND					Black CHN				
Player Divi Bish					Player Song Yuchen				
#	White	Black	#	White	Black	#	White	Black	#
1	c4	g5	21	Bc2	Nxe3	11	Qe5	Rd7	11
2	ad	q1 ad5	22	Qe3	Qb6	12	Kf3	Qe5	12
3	Nc3	q1 ad5	23	Qd3	g6	13	fxe5	cs	13
4	d4	g1 h6	24	Qg3	Re7	14	bxc5	Bc5	14
5	Nf3	g1 h6	25	Kh1	Bc7	15	Be4	Be7	15
6	Bc4	g1 h6	26	Be4	Re7	16	Rb1	Rc8	16
7	h3	g1 h6	27	h4	h5	17	Rb3	Bd8	17
8	Qd3	g1 h6	28	b4	Qd7	18	Rb7	Rb8	18
9	Bd3	g1 h6	29	Qd1	Qd6	19	Rb1	Bc5	19
10	0-0	g1 h6	30	Qf2	Re8	20	Bd5	Rc7	20
11	Rfel	g1 h6	31	g3	Re7	21	C4	Rd8	21
12	Bd3	g1 h6	32	Rb1	Bb6	22	Ke4	Bb6	22
13	Ne4	g1 h6	33	Q4	Rc8	23	Rd2	Kf8	23
14	Qe4	g1 h6	34	a5	Bd8	24	Ba6	Ba7	24
15	Qf4	g1 h6	35	Qe2	Ob	25	Bb7	Rb7	25
16	Rad1	g1 h6	36	Kb2	Ba7	26	Bb7	Rb7	26
17	C3	g1 h6	37	Ph1	Rh8	27	ds	Rb8	27
18	Qd2	g1 h6	38	Al1	Rc7	28	cd	Rb8	28
19	f4	g1 h6	39	Bd3	Rd7	29	Bc6	Rb4	29
20	Rf1	g1 h6	40	Re1	Rc7	30			30
Signature (White) Divi					Signature (Black) Song Yuchen				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G12									
Round 2									
Date 7.18 Board 2									
White IND					Black CHN				
Player Divi Bish					Player Song Yuchen				
#	White	Black	#	White	Black	#	White	Black	#
1	Kf3	Bb6	21	Bd3	Kg5	11			
2	Rd3	Rb7	22	Rd1	Kf2	12			
3	g4	h9	23	Kg1	Kf4	13			
4	Kg4	Rb4	24	Rd3	f4	14			
5	Kf2	Rb4	25	Rb2	g3	15			
6	d6	Kb6	26	Rb1	kg4	16			
7	d7	Bb6	27	Pf1	Rc3	17			
8	Rd8	Kc5	28	Rb1	f3	18			
9	Rb8	Rd4	29	Rb4	Rd5	19			
10	Kf2	Bb6	30	Qf2	Rd5	20			
11	Kf2	Bb6	31	Kf3	Rc2	21			
12	Qd3	Bb6	32	Rb5	Kf4	22			
13	Rd8	fs	33	Rb4		23			
14	Kg3	fs	34			24			
15	Bf7	Rb4	35			25			
16	Rd8	Kf1	36			26			
17	Bd5	Rb6	37			27			
18	Bd2	Rb3	38			28			
19	Kf2	g4	39			29			
20	Rd5	Rc3	40			30			
Signature (White) Divi					Signature (Black) Song Yuchen				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G12									
Round 2									
Date 7.18 Board 2									
White DIVI					Black SONG				
#	White	Black	#	White	Black	#	White	Black	#
1	e4	g5	21	Bc2	Nxe3	11	Qe5	Rd7	11
2	exd5	Qxd5	22	Qxe3	Bb6	12	Kf3	Qe5	12
3	Nc3	Qe8	23	Qd3	g6	13	fxe5	cs	13
4	d4	Nf6	24	Qg3	Re7	14	bxc5	Bc5	14
5	Nf3	Bg4	25	Kh1	Bc7	15	Be4	Be7	15
6	Bc4	g6	26	Be4	Re7	16	Rb1	Rc8	16
7	h3	Bxf3	27	h4	h5	17	Rb3	Bd8	17
8	Qd3	g6	28	b4	Qd7	18	Bxb7	Rb8	18
9	Bd3	Nd7	29	Rd1	Qd6	19	Rb1	Bxc6	19
10	0-0	Bd6	30	Qf2	Rd8	20	Bxc6	Ag8	20
11	Rfel	0-0	31	g3	Kg7	21	Bb5	Rc7	21
12	Bd3	Re8	32	Reb1	Bb6	22	C4	Rd8	22
13	Ne4	Ne4	33	Q4	Rc8	23	Ke4	Bb6	23
14	Qxe6	Nf6	34	a5	Bd8	24	Rd3	Kf8	24
15	Qd3	h6	35	Qe2	g6	25	Ba6	Ba7	25
16	Rad1	B7	36	Kg2	Be7	26	Rb7	Rxb7	26
17	C3	Qd5	37	Rh1	Rh8	27	Bxb7	Ke7	27
18	Qe2	Rd8	38	Rf1	Rc7	28	ds	End5	28
19	f4	Qd6	39	Bd3	Rd7	29	Cxd5	Rb8	29
20	Rf1	Nd5	40	Re1	Rc7	30	Bc6	Rb4	30
Signature (White) Divi					Signature (Black) Song Yuchen				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G12									
Round 2									
Date 7.18 Board 2									
White DIVI BISH					Black SONG YUCHEN				
#	White	Black	#	White	Black	#	White	Black	#
1	Kf3	Bb6	21	Bd3	Kg5	11			
2	Rd3	Rb7	22	Rd1	Kf2	12			
3	g4	h9	23	Kg1	Kf4	13			
4	Kg4	Rb4	24	Rd3	f4	14			
5	Kf2	Rb4	25	Rb2	g3	15			
6	d6	Kb6	26	Rb1	kg4	16			
7	d7	Bb6	27	Pf1	Rc3	17			
8	Rd8	Kc5	28	Rb1	f3	18			
9	Rb8	Rd4	29	Rb4	Rd5	19			
10	Kf2	Bb6	30	Qf2	Rd5	20			
11	Kf2	Bb6	31	Kf3	Rc2	21			
12	Qd3	Bb6	32	Rb5	Kf4	22			
13	Rd8	fs	33	Rb4		23			
14	Kg3	fs	34			24			
15	Bf7	Rb4	35			25			
16	Rd8	Kf1	36			26			
17	Bd5	Rb6	37			27			
18	Bd2	Rb3	38			28			
19	Kf2	g4	39			29			
20	Rd5	Rc3	40			30			
Signature (White) Divi					Signature (Black) Song Yuchen				

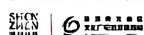
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 12/01/2026 Board: 3

WHITE				FID IND				1803/2008 5	
Manya Dshelia								RESULT 00	
BLACK				FID KAZ				0 1	
Filippova Milana									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	00 e4	00 c5	21	53 Bc1	13 Bxh4	41	Kf2	Bc1	
2	01 Nc3	01 Nc6	22	52 Bc4	01 Ne5	42	Ke2	Bxb2	
3	02 Bb5	01 Nd4	23	41 Qe3	5 Bb7	43			
4	01 Bc3	08 Qg6	24	38 Bxe5	6 Qxe5	44			
5	01 f4	07 Bg7	25	38 Bf3	3 Rxe8	45			
6	02 Nf3	00 e6	26	35 Rxe1	2 Bc8	46			
7	02 O-O	07 Ne7	27	27 Qd2	1 Bc6	47			
8	08 Nxd4	04 Bxd4	28	23 Qf4	44 Rd8	48			
9	08 Kh1	02 d6	29	20 Qxe5	1 Bxe5	49			
10	06 Nb2	02 Bg1	30	21 Rd1	39 Bxa2	50			
11	06 c3	09 O-O	31	19 Nxh3	43 Bb3	51			
12	06 Bc2	08 d5	32	14 Bxd2	1 Rxd8	52			
13	02 d3	09 Bg6	33	13 Nf2	5 Rd2	53			
14	07 Ng3	00 f5	34	13 Ng4	0 Bg7	54			
15	04 Qe1	04 Qxd4	35	13 Rf2	35 Rxf2	55			
16	02 Qxe4	01 f4	36	14 Nxg2	36 Qa5	56			
17	06 Ne2	08 f8	37	13 Rd1	38 Q4	57			
18	04 Qd2	05 e5	38	9 Bxb3	1 Cxb3	58			
19	00 Ng1	17 Nc6	39	2 Nd1	1 Q4	59			
20	06 Bc2	15 Bc7	40	3 Kf2	1 B46	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 12/01/2026 Board: 3

WHITE				Manya Ashishacker Broim				FID IND				RESULT 00 D			
BLACK				Filippova, Milana				FID KAZ				RESULT 00 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	04	05	21	Bd1	06	41	Kf2	Bc1							
2	05	06	22	Bx4	07	42	Ke2	Bx62							
3	06	07	23	08	08	43									
4	07	08	24	Bxe5	09	44									
5	08	09	25	Bf3	10	45									
6	09	10	26	Rxe1	11	46									
7	10	11	27	Qd2	12	47									
8	11	12	28	Qf4	13	48									
9	12	13	29	Qxe5	14	49									
10	13	14	30	Rd1	15	50									
11	14	15	31	Nxh3	16	51									
12	15	16	32	Bxd2	17	52									
13	16	17	33	Nf2	18	53									
14	17	18	34	Ng4	19	54									
15	18	19	35	Rf2	20	55									
16	19	20	36	Nxg2	21	56									
17	20	21	37	Rd1	22	57									
18	21	22	38	Bxb3	23	58									
19	22	23	39	Nd1	24	59									
20	23	24	40	Kf2	25	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]				[Signature]			
SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)			
Jiang Xu				Jiang Xu				Jiang Xu				Jiang Xu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:17
Group G12
Round 2
Date 07/2024
Board 4

WHITE Thanthunuge Heshanya				BLACK Masara Tiana In				SRI Rus				RESULT (0)			
WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	C4	C5	21	Qd7	Qd7	11	Bd	Rc3	11	Bd	Rc3	11	Bd	Rc3	11
2	Nf3	d6	22	O-O	Bg7	12	Rc3	Rc3	12	Rc3	Rc3	12	Rc3	Rc3	12
3	d4	Cd	23	Rf1	Rf1	13	Rb1	Rf1	13	Rb1	Rf1	13	Rb1	Rf1	13
4	Nd4	Nf6	24	C3	Mh7	14	Rc1	Ve7	14	Rc1	Ve7	14	Rc1	Ve7	14
5	Nc3	Q5	25	Bc1	Nf6	15	Ba5	Ba5	15	Ba5	Ba5	15	Ba5	Ba5	15
6	f3	C5	26	Bc2	Re7	16	Rd1	Nf5	16	Rd1	Nf5	16	Rd1	Nf5	16
7	Nb3	h5	27	Bc4	Q4	17	Kc2	Bg3	17	Kc2	Bg3	17	Kc2	Bg3	17
8	Be3	Be3	28	Qf2	Qf2	18	Kf1	De5	18	Kf1	De5	18	Kf1	De5	18
9	Nb5	Bd5	29	Qf3	Qg4	19	Kf2	Bg3	19	Kf2	Bg3	19	Kf2	Bg3	19
10	Ed	Nb7	30	Qc1	Nf4	20	Kg1	Be5	20	Kg1	Be5	20	Kg1	Be5	20
11	Qd2	Re2	31	Bf4	Nd7	21	Rc1	Bf4	21	Rc1	Bf4	21	Rc1	Bf4	21
12	C4	g6	32	Cf	Nd5	22	Rc3	Be7	22	Rc3	Be7	22	Rc3	Be7	22
13	Nas	Qc7	33	Rf1	Rb8	23	Kd3	Bf4	23	Kd3	Bf4	23	Kd3	Bf4	23
14	Re1	Bg7	34	h3	25	24	Vh4	Nb4	24	Vh4	Nb4	24	Vh4	Nb4	24
15	b4	O-O	35	Bd2	Nf6	25	Rd4	Be3	25	Rd4	Be3	25	Rd4	Be3	25
16	Be2	Rf8	36	C7	Rf8	26	Kf1	Bh4	26	Kf1	Bh4	26	Kf1	Bh4	26
17	a4	Nb6	37	b5	Qb	27	Rd4	Kf1	27	Rd4	Kf1	27	Rd4	Kf1	27
18	Qa2	Bf8	38	Bf5	Rf8	28	Rc1	Nas	28	Rc1	Nas	28	Rc1	Nas	28
19	Nb3	Nb7	39	a6	ba	29	Rb4	Kc3	29	Rb4	Kc3	29	Rb4	Kc3	29
20	Qd2	Nf8	40	Ba6	Nf5	30	Rb1	Kd7	30	Rb1	Kd7	30	Rb1	Kd7	30
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
H.S.				Miy				Zhu							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:17

Group G12
Round 2
Date 14/2024
Board 4

WHITE Thanthunuge Heshanya				BLACK Masara Tiana In				SRI Rus				RESULT (0)			
WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Ke2	Nc4	21	Kf3	Kc3	11			11			11			11
2	Bc2	Nd2	22	Kc3	Kd3	12			12			12			12
3	Kd2	Rc2	23	Kf5	Kf5	13			13			13			13
4	Rd4	Ke2	24	Kg4	Kf2	14			14			14			14
5	Rf3	f6	25	g6	Re1	15			15			15			15
6	h4	g4	26	Rd3	d4	16			16			16			16
7	Rf5	Re5	27	Ra3	Kc2	17			17			17			17
8	Kd3	Kf7	28	Ra3	d3	18			18			18			18
9	Kd3	Kd5	29	Re1	Kd1	19			19			19			19
10	Ra6	Ra5	30	Ra3	d2	20			20			20			20
11	Ke2	Kc6	31	Rd3	Ke2	21			21			21			21
12	Rd3	Kg5	32	Ra3	Kb2	22			22			22			22
13	Kf3	d5	33	Rb5	Kc9	23			23			23			23
14	Re1	Kd2	34	Kc9	Kf5	24			24			24			24
15	Kf3	Ke2	35	Rb5	Kc6	25			25			25			25
16	Ra3	Kf6	36	Rb5	d1=Q	26			26			26			26
17	Kf1	Ke5	37	Rd1	Rd1	27			27			27			27
18	Ra3	Kd4	38			28			28			28			28
19	Ra3	Rf5	39			29			29			29			29
20	Ke2	Ke5	40			30			30			30			30
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
H.S.				Miy				Zhu							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:17

Group G12
Round 2
Date 07/18
Board 4

WHITE Thanthunuge Heshanya				BLACK Masara Tiana In				SRI Rus				RESULT (0)			
WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	a4	C5	21	Qd7	Qd7	11	Bxc8	Rxc8	11	Bxc8	Rxc8	11	Bxc8	Rxc8	11
2	Nf3	d6	22	O-O	Bg7	12	Rc3	Nd7	12	Rc3	Nd7	12	Rc3	Nd7	12
3	d4	Cd4	23	Rf1	Bf8	13	Rb1	Bf6	13	Rb1	Bf6	13	Rb1	Bf6	13
4	Nd4	Nf6	24	C3	Nh7	14	Rc1	Ne7	14	Rc1	Ne7	14	Rc1	Ne7	14
5	Nc3	Q5	25	Bc1	Nf6	15	Ba5	Bc5	15	Ba5	Bc5	15	Ba5	Bc5	15
6	f3	C5	26	Bc2	Re7	16	Rd1	Nf5	16	Rd1	Nf5	16	Rd1	Nf5	16
7	Nb3	h5	27	Bc4	C4	17	Kf2	Bg3	17	Kf2	Bg3	17	Kf2	Bg3	17
8	Be3	Be3	28	Qf2	Cxf3	18	Kf3		18	Kf3		18	Kf3		18
9	Nd5	Bd5	29	Qxf3	Qg9	19	Kg1	Bc5	19	Kg1	Bc5	19	Kg1	Bc5	19
10	exd5	Nb7	30	Qg9	Bf7	20	Rb1	Bc5	20	Rb1	Bc5	20	Rb1	Bc5	20
11	Qd1	Rc3	31	Nd7		21	Rc3	Bf7	21	Rc3	Bf7	21	Rc3	Bf7	21
12	C4	g6	32	C4	Nd5	22	Rc3	Bc5	22	Rc3	Bc5	22	Rc3	Bc5	22
13	Nas	Qc7	33	Bf1	Rb8	23	Rc3	Bf7	23	Rc3	Bf7	23	Rc3	Bf7	23
14	Rc1	Bg7	34	h3	25	24	Ne4	P	24	Ne4	P	24	Ne4	P	24
15	b4	O-O	35	Bd2	Nf6	25	Rxc	Bc3	25	Rxc	Bc3	25	Rxc	Bc3	25
16	Be2	fRc3	36	C7	Rc8	26	Kf1	Bx	26	Kf1	Bx	26	Kf1	Bx	26
17	M	Nb1	37	b5	axb5	27	Rn	Kf8	27	Rn	Kf8	27	Rn	Kf8	27
18	Qa2	Nb7	38	Bxb5	Rf6	28	Rc4	Nc5	28	Rc4	Nc5	28	Rc4	Nc5	28
19	Nb3	Nb1	39	a6	bxac	29	Rh4	Kc3	29	Rh4	Kc3	29	Rh4	Kc3	29
20	Qd1	Nb6	40	Bxa6	Nf5	30	Rb1	Kd7	30	Rb1	Kd7	30	Rb1	Kd7	30
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
H.S.				Miy				Zhu							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12:17

Group G12
Round 2
Date 07/18
Board 4

WHITE T. Heshanya						BLACK M T In						FED		RESULT (0)									
WHITE						BLACK						FED		RESULT (0)									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#								
1	Ke2	Nc4	21	Kf3	Kc3	41			41			41			41								
2	Bd2	Nx	22	Rc3	Kc3	42			42			42			42								
3	Kx	Rx	23	Rf5	Rf5	43			43			43			43								
4	Rf1	Ke7	24	Kg4	Kf2	44			44			44			44								
5	Rf5	f6	25	Kg3	Rf1	45			45			45			45								
6	h4	g4	26	Ra8	d4	46			46			46			46								
7	Rx	Rc5	27	Ra3	Kc2	47			47			47			47								
8	Kd3	Kf7	28	Ra3	d3	48			48			48			48								
9	Rxh9	Ra5	29	Rc8	Kd1	49			49			49			49								
10	Ke3	Ra5	30	Ra3	d2	50			50			50			50								
11	Kc3	Kc6	31	Rd3	Kc2	51			51			51			51								
12	Rh8	Rg5	32	Rc8	Kb3	52			52			52			52								
13	Kf3	d5	33	Rb5	Kc5	53			53			53			53								
14	Rc3	R Kd7	34	Rc8	Kb3	54			54			54			54								
15	Rf5	Ke7	35	Rb5	Kc6	55			55			55			55								
16	Ra3	Kd6	36	Rd3	d3.Q	56			56			56			56								
17	Rf5	Ke5	37	Rd3	Rd1	57			57			57			57								
18	Rc3	Kd6	38			58			58			58			58								
19	Ra3	Rf5	39			59			59			59			59								
20	Kd2	Rd5	40			60			60			60			60								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)					
H.S.						Miy						H.S.						Miy					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11.31

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Grand <i>GM</i>		
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round <i>2</i>		
								
				Date <i>18.07.2026</i>		Board <i>5</i>		
WHITE <i>Ryane Haoc Hoa</i>				FED <i>VIE</i>		RESULT (W) <i>1</i>		
BLACK <i>Ryane Haoc Hoa</i>				FED <i>VIE</i>		RESULT (B) <i>0</i>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	<i>d4</i>	<i>e5</i>	21	<i>c1b3</i>	<i>h3h8</i>	41		
2	<i>e4</i>	<i>e5</i>	22	<i>wd1</i>	<i>h3h8</i>	42		
3	<i>h3h8</i>	<i>e5</i>	23	<i>h3</i>	<i>h3h8</i>	43		
4	<i>h3h8</i>	<i>e5</i>	24	<i>e7</i>	<i>c1c5</i>	44		
5	<i>h3h8</i>	<i>e5</i>	25	<i>h3</i>	<i>h3h8</i>	45		
6	<i>h3h8</i>	<i>e5</i>	26	<i>e5</i>	<i>h3h8</i>	46		
7	<i>e4</i>	<i>e5</i>	27	<i>e4</i>	<i>e4</i>	47		
8	<i>e4</i>	<i>e5</i>	28	<i>c1d3</i>	<i>h3h8</i>	48		
9	<i>h3h8</i>	<i>e5</i>	29	<i>h3h8</i>	<i>c1d3</i>	49		
10	<i>e4</i>	<i>e5</i>	30	<i>h3h8</i>	<i>h3</i>	50		
11	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	31	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	51		
12	<i>e4</i>	<i>e5</i>	32	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	52		
13	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	33			53		
14	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	34			54		
15	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	35			55		
16	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	36			56		
17	<i>e4</i>	<i>h3h8</i>	37			57		
18	<i>h3h8</i>	<i>h3h8</i>	38			58		
19	<i>e5</i>	<i>h3</i>	39			59		
20	<i>c1c4</i>	<i>h3</i>	40			60		
SIGNATURE (WHITE) <i>[Signature]</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>[Signature]</i>		SIGNATURE (ARBITER) <i>[Signature]</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11.31

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group 012		
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round 2		
								
		SHEN ZHEN 深圳		SHEN ZHEN 深圳		Date 18		
						Round 5		
WHITE Duong Ngoc Nga				FED VIE		RESULT (W) 1		
BLACK Hupbyyeva, Driber				FED TKM		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	e5	21	f6	e5	41		
2	e4	e6	22	xdl	e5	42		
3	Mc5	d5	23	h5	47	43		
4	Mf5	b7	24	e7	4	44		
5	h6	e4	25	bc	41	45		
6	h4	a-o	26	es	40	46		
7	e4	e6	27	ed	41	47		
8	a4	b5	28	xde	41	48		
9	h6	c5	29	xde	41	49		
10	de	e6	30	xe8	41	50		
11	h6	e6	31	h6	41	51		
12	ab	ab	32	xde	42	52		
13	h6	h8	33			53		
14	xde	h6	34			54		
15	h5	h6	35			55		
16	o-o	h6	36			56		
17	c6	h6	37			57		
18	h6	h6	38			58		
19	h6	h6	39			59		
20	h6	h6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) 		SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE Yang Youqing		FED CHN		RESULT (P) 1	
BLACK Bermun, Her		FED MEX		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Qd7	Rd8
2		Nc3	22	Rc1	Qg7
3	d4	Nf6	23	Qxh2	Qh1
4		cd	24	Nd3	Rd8
5	Bg5	Bc7	25	Nc7	Bc8
6		Q3	26	Qf2	Kx8
7	Bd3	Nb7	27	Nb5	Qg9
8		Q2	28	Qc2	Qx6
9	Bc7	Qe7	29	Qf2	g4
10	Nf3	Nf4	30	Qg3	g4
11	O-O	Nd3	31	Qf3	Qf6
12	Qd3	O-O	32	fx	Rg8
13	h3	Nb6	33	Rx1	Rg7
14	Rc1	Bc6	34	g7	Rxf8
15	Ne2	Nc4	35	Rd2	Qe7
16	B3	Nd6	36	Kx8	Nc4
17	Ng3	FS	37	Nc1	Rc
18	Nb2	g5	38	Qx6	Bc7
19	Nc5	Nc4	39	Rx1	Bc7
20	R3	Rc	40	Q4	15

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE Yang Youqing		FED CHN		RESULT (P) 1	
BLACK Tschumak, Ider		FED MGL		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Qd2	Rd8
2	Nc3	d5	22	Rc1	Qg7
3	d4	Nf6	23	Kx2	Qx6
4	cd	ed	24	Nd3	Rc8
5	Bg5	Bc7	25	Nc3	Bc8
6	e3	c6	26	Qf2	Kh8
7	Bd3	Nbd7	27	Ne5	Qg7
8	Qc2	Nh4	28	Qc2	Qx6
9	Bc7	Qe7	29	Qf2	g4
10	Nf3	Nf4	30	Qg3	g4
11	O-O	Nxg3	31	Qxh3	Qf6
12	Qxg3	O-O	32	fx	Rg8
13	h3	Nb6	33	Kh1	Rg7
14	Rc1	Bc6	34	Kx1	Rc8
15	Ne2	Nc4	35	Rh2	Bc7
16	b3	Nd6	36	Kf2	Nc4
17	Ng3	fs	37	Nxg4	fe
18	Nc2	g5	38	Qxh6	Bd7
19	Ne5	Nc4	39	Rxh1	Bc8
20	fs	Nd6	40	g4	c5

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/18

Group G/2
Round 2
Board 7

WHITE Peng Jingyi				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Rukhima Saurina				FED IRI				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e4	b4	41					
2	c4	e6	22	e5	Nf5	42					
3	Nc3	c5	23	Rf5	Bf5	43					
4	ed	ed	24	g5	Ob6	44					
5	Nf3	Nc6	25	exb6	Kf8	45					
6	g3	Nf8	26	Ende Nud's Oudp		46					
7	Bg2	c4	27	Kh2	c3	47					
8	Bb5	Be7	28	h2	b2	48					
9	O-O	O-O	29	Rb1	Qd2	49					
10	Nb5	Be6	30	Qd7	Re8	50					
11	K3	Qd5	31	QRL7	Rh7	51					
12	e3	Rd8	32	Qe7	Re7	52					
13	f4	h6	33	fe	kg7	53					
14	Bf6	Bf8	34	QSeQ	Qf8	54					
15	fg	Bf8	35	Qe5	kg6	55					
16	Ng4	Ne7	36	Ne7H		56					
17	Nf6	gf	37			57					
18	Qh5	kg7	38			58					
19	Rf4	Rh8	39			59					
20	Rf1	b5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Peng Jingyi				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER) Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group I2
Round 2
Board 7

WHITE Peng Jingyi				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Rukhima Saurina				FED IRI				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e4	b4	41					
2	c4	e6	22	e5	Nf5	42					
3	Nc3	c5	23	Rf5	Bf5	43					
4	cd5	e4d5	24	Qd1	Q>b	44					
5	Nf3	Nc6	25	Exb6	Kf8	45					
6	g3	Nf8	26	Nd4	Qd4	46					
7	Bg2	c4	27	Kh2	c3	47					
8	Bb5	Be7	28	h2	b2	48					
9	O-O	O-O	29	Qd7	Qd2	49					
10	Nb5	Be6	30	Qd7	Re8	50					
11	K3	Qd5	31	Rb7	Rf7	51					
12	e3	Rd8	32	Qd7	Rd7	52					
13	f4	h6	33	dfe7	kg7	53					
14	Bf6	Bf8	34	QSeQ	Qf8	54					
15	fg	Bf8	35	Qe5	kg6	55					
16	Ng4	Ne7	36	Ne7H		56					
17	Nf6	gf	37			57					
18	Qh5	kg7	38			58					
19	Rf4	Rh8	39			59					
20	Rf1	b5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Peng Jingyi				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER) Zhu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:08

WHITE Emelyanova Liliya				BLACK Kim Joonwon			
#				#			
1	C4	E5	11	G3	Nh3+	11	Qd5 Kh7
2	Nf3	Nc6	22	Kg2	Qc7	12	Nf1 Bf8
3	Bb5	a6	23	Bc5	bc	13	Nd2 Qb7
4	Ba4	Nf6	24	Rh1	Ra8	14	Qd3 Be7
5	d3	d6	25	Nf1	Bc8	15	Rh1 Qb6
6	O-O	Be7	26	Rh3	Bh3	16	Nb1 Qd8
7	C3	g6	27	Kh3	Reb8	17	h5 g5
8	h3	Bg0	28	Rb1	Rb7	18	Nc3 Qb6
9	Be3	O-O	29	Ne3	Qd7+	19	Na4 Qb7
10	Nb2	Re8	30	Kg2	Rab8	20	Nc3 Bf8
11	Re1	Nh5	31	Nd4	Qg4	21	Nd5 Rf7
12	Nf1	Nf4	32	Bd3	Qd7	22	Rh1 Qc6
13	d4	Qf6	33	Nc3	Ra8	23	b4 Kg7
14	Bc2	Rad8	34	Nb5	c6	24	a4 Rc8
15	d5	Nb8	35	dc	Qc6	25	Bb3 c6
16	C4	a5	36	Nh2	F5	26	Nb4 Qc5
17	Nf4	Na6	37	F3	F4	27	Nd5 Ra8
18	Qd3	b6	38	g4	h6	28	Ra1 Qc6
19	Qd2	a4	39	Bc2	Rd7	29	Q5 Qc5
20	h4	Nc5	40	Qd1	Qa6	30	Q6 Rd7
SIGNATURE (WHITE) Liliya				SIGNATURE (BLACK) Joonwon			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:08

WHITE Emelyanova Liliya				BLACK Kim Joonwon			
#				#			
1	a7	Rb7	21			11	
2	Ra6	Rd7	22			12	
3	Nb6	Rd8	23			13	
4	Na8	Ra8	24			14	
5	Qe2	Be7	25			15	
6	Qf2	Qc8	26			16	
7	Qb6	Kh7	27			17	
8	Nh6		28			18	
9			29			19	
10			30			20	
11			31			21	
12			32			22	
13			33			23	
14			34			24	
15			35			25	
16			36			26	
17			37			27	
18			38			28	
19			39			29	
20			40			30	
SIGNATURE (WHITE) Liliya				SIGNATURE (BLACK) Joonwon			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:08

WHITE Emelyanova, Liliya Mikh				BLACK Kim Joonwon			
#				#			
1	C4	E5	21	G3	Nh3+	11	Qd5 Kh7
2	Nf3	Nc6	22	Kg2	Qc7	12	Nf1 Bf8
3	Bb5	a6	23	Bc5	bc	13	Nd2 Qb7
4	Ba4	Nf6	24	Rh1	Ra8	14	Qd3 Be7
5	d3	d6	25	Nf1	Bc8	15	Rh1 Qb6
6	O-O	Be7	26	Rh3	Bh3	16	Nb1 Qd8
7	C3	g6	27	Kh3	Reb8	17	h5 g5
8	h3	Bg0	28	Rb1	Rb7	18	Nc3 Qb6
9	Be3	O-O	29	Ne3	Qd7+	19	Na4 Qb7
10	Nb2	Re8	30	Kg2	Rab8	20	Nc3 Bf8
11	Re1	Nh5	31	Nd4	Qg4	21	Nd5 Rf7
12	Nf1	Nf4	32	Bd3	Qd7	22	Rh1 Qc6
13	d4	Qf6	33	Nc3	Ra8	23	b4 Kg7
14	Bc2	Rad8	34	Nb5	c6	24	a4 Rc8
15	d5	Nb8	35	dc	Qc6	25	Bb3 c6
16	C4	a5	36	Nh2	F5	26	Nb4 Qc5
17	Nf4	Na6	37	F3	F4	27	Nd5 Ra8
18	Qd3	b6	38	g4	h6	28	Ra1 Qc6
19	Qd2	a4	39	Bc2	Rd7	29	Q5 Qc5
20	h4	Nc5	40	Qd1	Qa6	30	Q6 Rd7
SIGNATURE (WHITE) Liliya				SIGNATURE (BLACK) Joonwon			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:08

WHITE Emelyanova, Liliya Mikh				BLACK Kim Joonwon			
#				#			
1	a7	Rb7	21			11	
2	Ra6	Rd7	22			12	
3	Nb6	Rd8	23			13	
4	Na8	Ra8	24			14	
5	Qe2	Be7	25			15	
6	Qf2	Qc8	26			16	
7	Qb6	Kh7	27			17	
8	Nh6		28			18	
9			29			19	
10			30			20	
11			31			21	
12			32			22	
13			33			23	
14			34			24	
15			35			25	
16			36			26	
17			37			27	
18			38			28	
19			39			29	
20			40			30	
SIGNATURE (WHITE) Liliya				SIGNATURE (BLACK) Joonwon			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group G12		
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round 2		
								
		SHEN YANG CHINA		CHINA YET CHEN		Date 2026.7.18		
						Board 89		
WHITE Nandini Guruchandran				FID MGL		RESULT (W)		
BLACK Ye Shuhan				FID CHN		RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nes	Nes	11		
2	c4	c6	22	Rf7	Rf7	12		
3	Nc3	Nf6	23	Qf7	Kh1	13		
4	Nb3	e6	24	Ng8	Kh7	14		
5	Bf5	h6	25	Nf8	Kh8	15		
6	Bh5	Be7	26	Neb	Kh2	16		
7	e3	Nd7	27	Qg7		17		
8	Qc2	b6	28			18		
9	cd	Nd5	29			19		
10	Nd5	cd	30			20		
11	Qd6	Rd8	31			21		
12	Bf3	Bb7	32			22		
13	Qd4	Rd8	33			23		
14	Bb3	O-O	34			24		
15	Rc1	Nf6	35			25		
16	Rc7	Rc8	36			26		
17	Rd7	Rc1	37			27		
18	Ke2	Rh1	38			28		
19	Qd7	Bd6	39			29		
20	Qd6	Bd6	40			30		
SIGNATURE (WHITE) Nandini Guruchandran			SIGNATURE (BLACK) Ye Shuhan			SIGNATURE (ARBITER) Zhou		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

28th Asian Youth Chess Championships 2026							Group G12		Round 2		Date 2025.7.18		Board 9							
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛							FID MGL		FID CHN		FID CHN		FID CHN							
Nandini Guruchandran							MGL		CHN		CHN		CHN							
Ye Shuhan							CHN		CHN		CHN		CHN							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	d4	d5	21	Nes	Nes	11														
2	c4	c6	22	Rf7	Rf7	12														
3	Nc3	Nf6	23	Qf7	Kh8	13														
4	Nb3	e6	24	Ng8	Kh7	14														
5	Bf5	h6	25	Nf8	Kh8	15														
6	Bh5	Be7	26	Neb	Kh2	16														
7	e3	Nbd7	27	Qg7		17														
8	Qc2	b6	28			18														
9	cd	Nd5	29			19														
10	Nd5	cd	30			20														
11	Qc6	Rd8	31			21														
12	Bf3	Bb7	32			22														
13	Qd4	Rd8	33			23														
14	Bd3	O-O	34			24														
15	Rc1	Nf6	35			25														
16	Rc7	Re8	36			26														
17	Rd7	Rc1	37			27														
18	Ke2	Rh1	38			28														
19	Qd7	Bd6	39			29														
20	Qd6	Bd6	40			30														
SIGNATURE (WHITE) Nandini Guruchandran							SIGNATURE (BLACK) Ye Shuhan							SIGNATURE (ARBITER) Zhou						

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/09/2026 Board 10

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	E4	E5	21	h3	nd3	41	Rd2	Bb1			
2	C3	Nf6	22	Ng6	h4	42	Rb1	R6			
3	E5	Nd5	23	Ba3	Ba3	43					
4	Bc4	Nb6	24	Ka3	Gc6	44					
5	Bb3	C4	25	Og4	Gp3	45					
6	Bc2	E6	26	Nb1	Qf3	46					
7	Nf3	d5	27	Qd6	Rf2	47					
8	E4	Bd6	28	Ra3	Gc3	48					
9	B3	Nb5	29	Ra7	Ba7	49					
10	Nc3	C6	30	Ra2	B5	50					
11	Q6	Nf6	31	C6	Bd5	51					
12	Bb1	Nb5	32	Qd5	Rd2	52					
13	Nd1	Bc4	33	Ra3	Ra7	53					
14	O-O	O-O	34	Bb5	Nd2	54					
15	d4	B6	35	Ra2	h4	55					
16	Nc5	Bb4	36	Qb1	Bc1	56					
17	C4	Nf1	37	Bc	Bd3	57					
18	Nd3	M6	38	Qa1	Qa1	58					
19	Qb2	Bb4	39	Ra1	Ra7	59					
20	Nb5	Bd6	40	Rd1	Rc	60					

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/9/2026 Board 10

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	E4	C5 R8	21	h3	Nd7 S2	41	Rd1	Bc2 B3			
2	C3	Nf6 B9	22	Nxg6	hxg6 B3	42	Rd2	Bxb3 B			
3	E5	Nd5 B9	23	Ba3	Bxa3 S0	43	Ed2	Rxc6 B			
4	Bc4	Nb6 B9	24	Rxa3	Qc6 43	44					
5	Bb3	C4 B8	25	Bg4	Nf6 45	45					
6	Bc2	E6 B7	26	Bg3	Ne4 48	46					
7	Nf3	d5 B7	27	Qp3	Qd6 35	47					
8	Exd6	Bxd6 B7	28	Rpa1	Bxd435	48					
9	B3	Nd7 B4	29	Rxa7	Bc5 45	49					
10	Nc3	Cxb7 B9	30	Bxa3	Bxa7 45	50					
11	axb3	Nf6 B9	31	Ra2	B5 11	51					
12	Bb2	Nb5 B8	32	Cxb5	Bd5 11	52					
13	Nc4	Be7 B9	33	Qd1	Rd1 6	53					
14	O-O	O-O B8	34	Ra3	Rc1 4	54					
15	d4	B6 B5	35	Bb1	Nd2 2	55					
16	Nc5	Bb7 B4	36	Ra2	Nb1 2	56					
17	C4	Nf4 B3	37	Bxb1	Be4 2	57					
18	Nd3	Ng6 B2	38	B6	Bxd3 2	58					
19	Qe2	Gc7 B1	39	Qa1	Qx11 2	59					
20	Nf5	Bb6 B5	40	Rxa7	Rb2 2	60					

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26 Board 1/1

WHITE Zivadin Malika				FID KAZ				RESULT 00 1/2			
BLACK Halangoda Sayura Sitharula				FID SRI				RESULT 00 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	d3	c6	11	c4	vd7 -			
2		d4	22		g6	12		ke4			fs
3	ke3	de	23	pe4	as	13	0	b3		cc7	
4	ke4	ke7	24		g9	14		vd1		dt7	
5	kg5	kg6	25	pe4	pe7	15		cg5		lv	
6		cd3	26		g9	16		cd8		kp6	
7	kp6	cd6	27	g9	h6	17		cc7		uct7	
8		pe2	28		vd7	18				jel	kp15
9	cd2	h6	29	q3	kp12	19		vd6		kp94	
10		ke4	30		vd7	20		vd2		kp83	
11	pe4	ke6	31	vd5	cc7	21		vd2		g5	
12		pe2	32		h4	22		kp23		vd7	
13	0-0-0	as	33	gh	kp16	23		fs		g4	
14		vd1	34		vd7	24		kp4		g3	
15		cc5	35	cd2	kp17	25		fg		fg	
16		ke5	36		h5	26				cg	
17	kp4	pe7	37	vd8	vd6	27		kp15		vd3	
18		ce4	38		ah	28		cg		de7	
19	cc3	of4	39	ce3	vd5	29		kp16		g2	
20		kp1	40		vd1	30				kp12	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26 Board 1/1

WHITE Zivadin Malika				FID KAZ				RESULT 00 1/2			
BLACK Halangoda S S				FID SRI				RESULT 00 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kp12	g1=op.	21			41					
2	vd1	kp91	22			42					
3		cg5	23			43					
4	kp23	kp12	24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/8

Round 12

WHITE				BLACK			
Chen Yuechen				CHN			
Mehar Arin A				IND			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e9	c5	21	Rcd1	Nf6	41	Rd6
2	Nf3	d6	22	Qd2	Rc8	42	c4
3	d4	cd	23	Rb1	Qc7	43	Rc6
4	Nd4	Nb6	24	Bf1	Rfd8	44	Kh2
5	Nc3	a6	25	Nd4	d5	45	Rc7
6	h3	e6	26	ed	Bd5	46	Rc6
7	Bc3	Be7	27	Nd5	Ad5	47	h4
8	Bd3	0-0	28	c3	Rcd8	48	Kf3
9	0-0	h6	29	Rd4	Ne7	49	h9
10	Q3	e5	30	Qe3	Nf5	50	c5
11	Nb3	b5	31	Re9	Kh7	51	Kf2
12	J4	Nbd7	32	Bd3	Rd8e8	52	Rc8
13	Qf3	Bb7	33	Bf5	Rf5	53	Kf1
14	Qg3	Nh5	34	Qd8e8	Bd4	54	c3
15	Qf3	Nh4	35	Qe4	Qe5	55	Ke2
16	Bf4	Qd4	36	Rd4	Qd4	56	c7
17	Qd4	Ne5	37	Rd4	Rf2	57	Ke3
18	Kh1	Bg5	38	Rd4	Rc2	58	Kf4
19	Qg3	Bd4	39	Q4	Q2	59	Rd8
20	Qf4	Bf6	40	Rd4	Rb2	60	Kf5
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Chen Yuechen				Mehar Arin A			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/8

Round 12

WHITE				BLACK			
Chen Yuechen				CHN			
Mehar Arin A				IND			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Rb2	Kg1	21			41	
2	Rb1	Kh2	22			42	
3	Kf4	g2	23			43	
4	Rb2	Kh1	24			44	
5	Rb1	g1=Q	25			45	
6	Rg1	kg1	26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Chen Yuechen				Mehar Arin A			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.2024

Round 12

WHITE				BLACK			
Chen Yuechen				CHN			
Mehar Arin A				IND			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Rd4	Nf6	41	Rd6
2	Nf3	d6	22	Qd2	Rc8	42	c4
3	d4	cxd4	23	Rd1	Qc7	43	Rc6
4	Nxd4	Nf6	24	Bf1	Rfd8	44	Kh2
5	Nc3	a6	25	Nd4	d5	45	Rc7
6	h3	e6	26	ed5	Bd5	46	Rc6
7	Bc3	Be7	27	Rd5	Ad5	47	h4
8	Bd3	0-0	28	Bd3	Rd8e8	48	Kf3
9	0-0	h6	29	Rd4	Ne7	49	h9
10	Q3	e5	30	Qe3	Nf5	50	c5
11	Nb3	b5	31	Re9	Kh7	51	Kf2
12	J4	Nbd7	32	Bd3	Rd8e8	52	Rc8
13	Qf3	Bb7	33	Bf5	Rf5	53	Kf1
14	Qg3	Nh5	34	Qd8e8	Bd4	54	c3
15	Qf3	Nh4	35	Qe4	Qe5	55	Ke2
16	Bf4	Qd4	36	Rd4	Qd4	56	c7
17	Qd4	Ne5	37	Rd4	Rf2	57	Ke3
18	Kh1	Bg5	38	Rd4	Rc2	58	Kf4
19	Qg3	Bd4	39	Q4	Q2	59	Rd8
20	Qf4	Bf6	40	Rd4	Rb2	60	Kf5
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Chen Yuechen				Mehar Arin A			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.2024

Round 12

WHITE				BLACK			
Chen Yuechen				CHN			
Mehar Arin A				IND			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Rd1	kg1	21			41	
2	Rd1	kg1	22			42	
3	Kf4	g2	23			43	
4	Rb2	Kh1	24			44	
5	Rb1	g1=Q	25			45	
6	Rg1	Kxg1	26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Chen Yuechen				Mehar Arin A			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:50

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sokolova Milana Aleks		Pham Nhu Y		Rus		VIE		Rus		VIE	
1		2		3		4		5		6	
e4		c6		Nf2		Nb6		Vf4		xg5	
d4		d5		Tg		Md5		Vg3		Vg3	
Mc3		de		q4		Xc8		Xc2		Vg3	
Ma4		Nf6		Vh2		Xc9		Vd2		Vd2	
Hf6		df		Tc5		Tb7		Vd2		Tg4	
c3		Tc6		Tb		Vb8		Vd2		Tg4	
Tc3		0-0		Tb		Vb8		Vd2		Tg4	
Hd2		Xc8		Xc4		Vb8		Vd2		Tg4	
0-0		Hc7		Tb		Vb8		Vd2		Tg4	
Hq3		Tc6		Xc3		Vb8		Vd2		Tg4	
F4		C5		Xc2		Vb8		Vd2		Tg4	
F5		Tc4		a3		Vb8		Vd2		Tg4	
Hq4		Tg3		h4		Vb8		Vd2		Tg4	
hg		cd		Xc2		Vb8		Vd2		Tg4	
Th6		g6		Vg3		Vb8		Vd2		Tg4	
Hh4		Hh6		Vg3		Vb8		Vd2		Tg4	
fg		Hh4		Vg3		Vb8		Vd2		Tg4	
cd		hg		Vg3		Vb8		Vd2		Tg4	
Xf6		Tc6		Vg3		Vb8		Vd2		Tg4	
Tc5		Mc3		Vg3		Vb8		Vd2		Tg4	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:50

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sokolova Milana Aleks		Pham Nhu Y		RUS		VIE		RUS		VIE	
1		2		3		4		5		6	
e4		c6		Nf2		Nb6		Vf4		xg5	
d4		d5		Tg		Md5		Vg3		Vg3	
xc3		de		g4		Nac8		Vd2		Vd2	
ke4		Vg3		Vh2		Nc4		Vd2		Vd2	
Vg3		ef		ads		ads		Vd2		Vd2	
c3		ad6		cl6		ne6		Vd2		Vd2	
ad3		0-0		g5		Vp8		Vd2		Vd2	
ke2		ne8		Nf1		Vp8		Vd2		Vd2	
0-0		wc7		ce5		Vd7		Vd2		Vd2	
Vg3		ce6		Nf6		Nc6		Vd2		Vd2	
f4		c5		Nd2		Vg		Vd2		Vd2	
f5		cd7		A3		Nf6		Vd2		Vd2	
Vg4		c3		g4		Vp8		Vd2		Vd2	
Hg		cd		Nc2		Vp8		Vd2		Vd2	
Vg6		g6		Vp8		Nf1		Vd2		Vd2	
Vd4		Vg6		Vp8		Nf1		Vd2		Vd2	
Hg		Vd4		Nc2		Vp8		Vd2		Vd2	
cd		Hg		Nc2		Vp8		Vd2		Vd2	
Nf6		ce6		Vp8		Nc1		Vd2		Vd2	
ce4		Vg7		Nf7		Vp8		Vd2		Vd2	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

10.5/

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	15	21	11	27	17	33	13	39	9	45	5
2	16	22	12	28	18	34	14	40	10	46	6
3	17	23	13	29	19	35	15	41	11	47	7
4	18	24	14	30	20	36	16	42	12	48	8
5	19	25	15	31	21	37	17	43	13	49	9
6	20	26	16	32	22	38	18	44	14	50	10
7	21	27	17	33	23	39	19	45	15	51	11
8	22	28	18	34	24	40	20	46	16	52	12
9	23	29	19	35	25	41	21	47	17	53	13
10	24	30	20	36	26	42	22	48	18	54	14
11	25	31	21	37	27	43	23	49	19	55	15
12	26	32	22	38	28	44	24	50	20	56	16
13	27	33	23	39	29	45	25	51	21	57	17
14	28	34	24	40	30	46	26	52	22	58	18
15	29	35	25	41	31	47	27	53	23	59	19
16	30	36	26	42	32	48	28	54	24	60	20
17	31	37	27	43	33	49	29				
18	32	38	28	44	34	50	30				
19	33	39	29	45	35	51	31				
20	34	40	30	46	36	52	32				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

10.5/

28th Asian Youth Chess Championships 2026										Group: G12				
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										Round: 14				
 SHEN 申 *****										Date: _____		Board: 24		
WHITE: Yao Kaiyin					FID: _____					RESULT (W): 2.5				
BLACK: Zheng Yuhao					IID: _____					RESULT (B): 2.5				
#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK	
1	e4		e5		21	Axe3		d4		41	f6		Kxf6	
2	Nf3		Nc6		22	Re7		dx6		42	Rh5		Rf2	
3	d4		exd4		23	Rxa7		f5		43	Rxf5		Rxc2	
4	Nxd4		Nf6		24	Re1		Rb7		44	b4		Ke6	
5	Nc3		Bb4		25	Re7		Rxa7		45	Kg3		Kd5	
6	Nxc6		bxc6		26	Axa7		f5		46	Kf3		Ra2	
7	Bd3		d5		27	Kf2		f3		47	b5		Ka3	
8	exd5		cxd5		28	gxf3		bxf3		48	Ke2		Kc5	
9	O-O		O-O		29	Rc7		Rf6		49	Kc2		Kb6	
10	Bb5		c6		30	Be4		N5		50	Kc2		Ka5	
11	a3		Bd6		31	Rxc6		Rf8		51	Ka2		Rb3	
12	Re1		Rb8		32	Kg3		Bb7		52	Rf4		Rh3	
13	b3		h6		33	Rxc3		g6		53	Rf3		Rf3	
14	Bc1		Ng4		34	Rxc5		h7		54	Kb3		Rf4	
15	h3		Nxf7		35	Kb2		g4		55	Rc8		Rf4	
16	Kxf2		Af6		36	Axf4		Rf7		56	Kc3		Axf4	
17	Rf3		Bc5		37	Bf5		Bxf5		57				
18	Rh1		Qe4		38	gxf5		Kf7		58				
19	Re3		Rxe3		39	Kh3		Kf6		59				
20	Bxe3		Bxe3		40	h4		Kg5		60				
SIGNATURE (WHITE): Yao Kaiyin					SIGNATURE (BLACK): Zheng Yuhao					SIGNATURE (JUDGES): Shen				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12.16

Group
C-12
Round
2
Date
Board
15

WHITE Khusniddinova, Huzunorakho			BLACK Vu Thi Yen chi			ID UZB		ID VIE		RESULT 0/1		RESULT 0/1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	130 c5	130	21	Nq8 b2 Nf3	11			11					
2	Nf3	134 e6 -		22	g6 g6	12			12					
3	c3	- d5 -		23	Qe2 44 Bh3 32	13			13					
4	ed	132 Qd5 -		24	f4 110 Qf4 23	14			14					
5	d4	- Nc6 123		25	Qe3 23 Qh5 22	15			15					
6	Bc3	- cd -		26	Rc4 19 B d4	16			16					
7	cd	133 NE6 -		27	Rd4 Rd4	17			17					
8	Nc3	131 Qd6 121		28	Bd4 Rdf	18			18					
9	Bd3	128 e6 123		29	Bf3 Rd6	19			19					
10	0-0	123 Be7 -		30	Nc7 Rf6	20			20					
11	h3	- 0-0 124		31	Qe8 Kg7	21			21					
12	Re1	122 Bd7 119		32	Qe6 Kg8	22			22					
13	Qe2	120 Qc7 114		33	Ne8	23			23					
14	Rc1	119 Rfd8 111		34		24			24					
15	Bf4	110 Bc6 110		35		25			25					
16	Bg5	- Bcf5 57		36		26			26					
17	d5	109 ed 54		37		27			27					
18	Bf6	102 Bf6 53		38		28			28					
19	Nd5	103 Qe6 50		39		29			29					
20	Nh6	102 Nd4 45		40		30			30					
SIGNATURE (WHITE) Lyche			SIGNATURE (BLACK) Diz			SIGNATURE (ARBITER) Ling								

28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12.16

Group
G-12
Round
2
Date
Board
15

WHITE Khusniddinova Huzunor				BLACK Vu Thi Yen Chi			
ID UZB				ID VIE			
RESULT 0/1				RESULT 0/1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	cu	c5	21	Ka8	Kf3	11	
2	Kf5	e6	22	g6	g6	12	
3	c3	d5	23	Pe2	Ch3	13	
4	ed	Pe5	24	h4	Ph4	14	
5	dh4	Kc6	25	Pe3	Ph4	15	
6	Qe3	cd	26	de4	cd4	16	
7	ed	Kf6	27	de4	de4	17	
8	Kc3	Qd6	28	ce4	de4	18	
9	cd3	a6	29	cf3	de4	19	
10	00	ce7	30	Ko7	uf6	20	
11	h3	00	31	Pe8+	Kg7	21	
12	de1	cd7	32	Pe5	Kg8	22	
13	Qd2	Pe7	33	Kd8		23	
14	de1	de8	34			24	
15	cf4	cd6	35			25	
16	Qg5	ce7	36			26	
17	d5	ed	37			27	
18	cf6	cf6	38			28	
19	Kd5	Qd6	39			29	
20	Kh6	Kd4	40			30	
SIGNATURE (WHITE) Lyche				SIGNATURE (BLACK) Diz			
SIGNATURE (ARBITER) Kang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	d5	21	Ne2	f7	Nf8	41	Ng5 (16)	Na7		
2	Bf4	c5	22	gxh6	gxh6	Rxd7	42	Rxd7	Rc6		
3	e3	Nf6	23	Rxh6	Me7		43	g7	Rc8		
4	Nf3	Nc6	24	Ne5	Rac8		44	Nxe6 (6)	Re8		
5	Nbd2	e6	25	Ah7	Rxc3		45	f5	Rc6		
6	c3	Bd6	26	Axf7	Na6		46	Rf7	Rg8		
7	Bg3	0-0	27	f4 (54)	Aca7		47	Rf8	Rxg7		
8	Bd3	g6	28	Kf3	Rac8		48	Nxg7	b5		
9	e4	dxe4	29	Rat7 (42)	Kc5 (51)		49	f6	Na6		
10	Nxe4	Nxe4	30	Re1 (38)	Mb5		50	Nf5+	Kc6		
11	Bxe4	Bb7	31	Re3 (30)	a5 (26)		51	f7	Kxf5		
12	Ba4	Na5	32	Raa2 (27)	Rc6 (40)		52	Re8	b4		
13	Bxb7	Nxb7	33	g4 (26)	Na4		53	f8=Q+	Kg6		
14	Ra1-B3	Bxg3	34	g5	Rxe3		54	Re6+	Mg5		
15	Jxy3	Qd9	35	(41)	Kxe3	Nc5	55	Of6+	Kg4		
16	dxc5	Nxc5	36	g6	Ah2		56	Rel+	Kg3		
17	Rxd5	Nxa4	37	Rd1	Rh3+		57	Qf3+	Kh2		
18	Rdh5	h6	38	Kc2	Rg3		58	Rh4+	Kg1		
19	g4	Nxb2	39	Rd4 (17)	Rh3 (11)		59	Rg h1#			
20	g5	Rf8	40	Nf1 (16)	Rg3 (9)		60				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	d5	21	Ke2	Kf8	11	Nf5	Nd7			
2	Bf4	c5	22	Rb6	g6	12	Rd7	Rc3			
3	e3	Nf6	23	Rb6	Kd7	13	g7	Rc8			
4	Nf3	Nc6	24	Ne5	Rac8	14	Nb1	Re8			
5	Nbd7	e6	25	Rd7	Rc3	15	f5	Kc6			
6	c3	Bd6	26	Rd7	Rc3	16	Rf7	Rg8			
7	Bg3	0-0	27	f4	Rc7	17	Rf7	Rg7			
8	Bc3	b6	28	Re5	Rd7	18	Ng7	b5			
9	e4	dxe4	29	Kc5	Re1	19	f6	Kc6			
10	Ne4	Ne4	30	Kb5	Re3	20	Nf5	Kc6			
11	Ba4	Bb7	31	Re5	Rb6	21	f7	Kf5			
12	Qa4	Na5	32	Re5	Rb6	22	Re8	b4			
13	Bb7	Nb7	33	Qf4	Na4	23	J8=Q	Kc6			
14	Rd1	Nb7	34	Qf4	Na4	24	Re6	Kg5			
15	Kg3	Qd5	35	Ke2	Nc5	25	Qf6	Kg4			
16	Qc5	Nc5	36	Qf4	Rd2	26	Re4	Kg3			
17	Rd5	Nd4	37	Rd1	Rd7	27	Qf3	Kh2			
18	Rdh5	h6	38	Rd1	Rd7	28	Rd4	Kg3			
19	Rd4	Nb2	39	Rd1	Rd7	29	Rd4	Kg3			
20	g5	Rf8	40	Nf5	Rd7	30	Rd4	Kg3			

12:04

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	F-10
Round	2
Date	18
Board	17

WHITE				BLACK			
Tran Hoang Bao An				Tran Ngoc Minh Khue			
FID VIF				FID VIF			
RESULT (0)				RESULT (0)			
1				2			
3				4			
5				6			
7				8			
9				10			
11				12			
13				14			
15				16			
17				18			
19				20			
21				22			
23				24			
25				26			
27				28			
29				30			
31				32			
33				34			
35				36			
37				38			
39				40			
41				42			
43				44			
45				46			
47				48			
49				50			
51				52			
53				54			
55				56			
57				58			
59				60			
61				62			
63				64			
65				66			
67				68			
69				70			
71				72			
73				74			
75				76			
77				78			
79				80			
81				82			
83				84			
85				86			
87				88			
89				90			
91				92			
93				94			
95				96			
97				98			
99				100			
101				102			
103				104			
105				106			
107				108			
109				110			
111				112			
113				114			
115				116			
117				118			
119				120			
121				122			
123				124			
125				126			
127				128			
129				130			
131				132			
133				134			
135				136			
137				138			
139				140			
141				142			
143				144			
145				146			
147				148			
149				150			
151				152			
153				154			
155				156			
157				158			
159				160			
161				162			
163				164			
165				166			
167				168			
169				170			
171				172			
173				174			
175				176			
177				178			
179				180			
181				182			
183				184			
185				186			
187				188			
189				190			
191				192			
193				194			
195				196			
197				198			
199				200			
201				202			
203				204			
205				206			
207				208			
209				210			
211				212			
213				214			
215				216			
217				218			
219				220			
221				222			
223				224			
225				226			
227				228			
229				230			
231				232			
233				234			
235				236			
237				238			
239				240			
241				242			
243				244			
245				246			
247				248			
249				250			
251				252			
253				254			
255				256			
257				258			
259				260			
261				262			
263				264			
265				266			
267				268			
269				270			
271				272			
273				274			
275				276			
277				278			
279				280			
281				282			
283				284			
285				286			
287				288			
289				290			
291				292			
293				294			
295				296			
297				298			
299				300			
301				302			
303				304			
305				306			
307				308			
309				310			
311				312			
313				314			
315				316			
317				318			
319				320			
321				322			
323				324			
325				326			
327				328			
329				330			
331				332			
333				334			
335				336			
337				338			
339				340			
341				342			
343				344			
345				346			
347				348			
349				350			
351				352			
353				354			
355				356			
357				358			
359				360			
361				362			
363				364			
365				366			
367				368			
369				370			
371				372			
373				374			
375				376			
377				378			
379				380			
381				382			
383				384			
385				386			
387				388			
389				390			
391				392			
393				394			
395				396			
397				398			
399				400			
401				402			
403				404			
405				406			
407				408			
409				410			
411				412			
413				414			
415				416			
417				418			
419				420			
421				422			
423				424			
425				426			
427				428			
429				430			
431				432			
433				434			
435				436			
437				438			
439				440			
441				442			
443				444			
445				446			
447				448			
449				450			
451				452			
453				454			
455				456			
457				458			
459				460			
461				462			
463				464			
465				466			
467				468			
469				470			
471				472			
473				474			
475				476			
477				478			
479				480			
481				482			
483				484			
485				486			
487				488			
489				490			
491				492			
493				494			
495				496			
497				498			
499				500			
501				502			
503				504			
505				506			
507				508			
509				510			
511				512			
513				514			
515				516			
517				518			
519				520			
521				522			
523				524			
525				526			
527				528			
529				530			
531				532			
533				534			
535				536			
537				538			
539				540			
541				542			
543				544			
545				546			
547				548			
549				550			
551				552			
553				554			
555				556			
557				558			
559				560			
561				562			
563				564			
565				566			
567				568			
569				570			
571				572			
573				574			
575				576			
577				578			
579				580			
581				582			
583				584			
585				586			
587				588			
589				590			
591				592			
593				594			
595				596			
597				598			
599				600			
601				602			
603				604			
605				606			
607				608			
609				610			
611				612			
613				614			
615				616			
617				618			
619				620			
621				622			
623				624			
625				626			
627				628			
629				630			
631				632			
633				634			
635				636			
637				638			
639				640			
641				642			
643				644			
645				646			
647				648			
649				650			
651				652			
653				654			
655				656			
657				658			
659				660			
661				662			
663				664			
665				666			
667				668			
669				670			
671				672			
673				674			
675				676			
677				678			
679				680			
681				682			
683				684			
685				686			
687				688			
689				690			
691				692			
693				694			
695				696			
697				698			
699				700			
701				702			
703				704			
705				706			
707				708			
709				710			
711				712			
713				714			
715				716			
717				718			
719				720			
721				722			
723				724			
725				726			
727				728			
729				730			
731				732			
733				734			
735				736			
737				738			
739				740			
741				742			
743				744			
745				746			
747				748			
749				750			
751				752			
753				754			
755				756			
757				758			
759				760			
761				762			
763				764			
765				766			
767				768			
769				770			
771				772			
773				774			
775				776			
777				778			
779				780			
781				782			
783				784			
785				786			
787				788			
789				790			
791				792			
793				794			
795				796			
797				798			
799				800			
801				802			
803				804			
805				806			
807				808			
809				810			
811				812			
813				814			
815				816			
817				818			
819				820			
821				822			
823				824			
825				826			
827				828			
829				830			
831				832			
833				834			
835				836			
837				838			
839				840			
841				842			
843				844			
845				846			
847				848			
849				850			
851				852			
853				854			
855				856			
857				858			
859				860			
861				862			
863				864			
865				866			
867				868			
869				870			
871				872			
873				874			
875				876			
877				878			
879				880			
881				882			
883				884			
885				886			
887				888			
889				890			
891				892			
893				894			
895				896			
897				898			
899				900			
901				902			
903				904			
905				906			
907				908			
909				910			
911				912			
913				914			
915				916			
917				918			
919				920			
921				922			
923				924			
925				926			
927				928			
929				930			
931				932			
933				934			
935				936			
937				938			
939				940			
941				942			
943				944			
945				946			
947				948			
949				950			
951				952			

Date	18/7
Board	AB 18

11:57

Unit	2
	Days

11:57

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/18 Board: 19

WHITE Luo, Zhen zhen								FID CHN		RESULT 00	
BLACK Asyraf, Lana Aesya								FID MAS		RESULT 00	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Na7	Rc7	41	a6	Ra7			
2	dp	g6	22	Qa5	cd4	42	Be2	f6			
3	Nc3	Bg7	23	Nc6	Qc7	43	Rb1	Kh6			
4	Bg5	0-0	24	Ne7	Ac8	44	Rb7	Ra6			
5	NH3	a6	25	ed4	Rex	45	Ba6	f5			
6	e3	Bg4	26	Nc6	Qc7	46	h6	g5			
7	Be2	Nbd7	27	Na7	Qd8	47	Rb6	Kh7			
8	0-0	c5	28	Nb5	Rc7	48	h5	f6			
9	h3	Bf3	29	Nb8	Rd8	49	Bf5	h6			
10	Bf3	Rd8	30	Nb6	Rf8	50	Rb7	Kf8			
11	Qb3	b6	31	c5	Nb8	51	g6	f5			
12	Qa4	a7	32	a4	Rd7	52	Rc6	Kh8			
13	NH5	Rex	33	Bf3	Nex	53	g7	Kh7			
14	Bc6	Rf8	34	c6	Nc6	54	g8-q	Kh6			
15	a3	Rex	35	Rc6	Nd6	55	Rh7				
16	Bf3	Kh8	36	Rd6	Rd6	56					
17	Rf6	h6	37	Bd6	Rd8	57					
18	Bh6	Kh7	38	Bc5	Bd6	58					
19	b4	h5	39	Bd6	Rd6	59					
20	ba5	ba5	40	a5	Rd7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Luo zhen zhen				Asyraf				Zhou			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 18/7 Board: 19

WHITE Luo, zhenzhen								FID CHN		RESULT 00	
BLACK Asyraf, Lana Aesya								FID MAS		RESULT 00	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Na7	Rc7	41	a6	Ra7			
2	c4	g6	22	Qxa5	Cxd4	42	Be2	Ra6			
3	Nc3	Bg7	23	Nc6	Qc7	43	Rb1	Kh6			
4	Bg6	0-0	24	Nxe7	Qd8	44	Rb7	Rxq6			
5	Nc3	d6	25	Cxd4	Pe8	45	Bxa6	Bf4			
6	e3	Bg4	26	Nc6	Qc8	46	h4	g5			
7	Be2	Nbd7	27	Nq7	Qd8	47	Rb6+	Kg7			
8	0-0	f5	28	Nb9	Rc8	48	hXg5	f4			
9	h3	Bxf3	29	Qxd8	Rcxd8	49	bd3	h4			
10	Bxf3	Rb8	30	Nxd6	Rf8	50	Rb7	kg8			
11	Qb3	b6	31	c5	Nb6	51	g6	Kh7			
12	Qq4	g5	32	a4	Rd7	52	Bc4	Kh8			
13	Nb5	ke8	33	Bg3	Nex	53	g7	Kh7			
14	Bc6	Rf8	34	c6	Nxc6	54	g8-q	Kh6			
15	a3	Rc8	35	Rxc6	Nxd6	55	Rh7				
16	Bf3	Kh8	36	Rxd	Rxd	56					
17	Rf6	h6	37	Bxd	Rd8	57					
18	Bh4	Kh7	38	Bc4s	Bxd4	58					
19	b4	h5	39	Bxd4	Rxd4	59					
20	Bxa5	bras	40	a5	Rd7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Luo zhen zhen				Asyraf				Zhou			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.18

Group G12

Round 2

Board 20

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sun Yucan (SD)		Zhumabek Nursay		CHN		KAZ		RESULT (W)		RESULT (B)	
1		2		3		4		5		6	
e4 g0		c5 f0		Kh7 f1		b5					
Nc3 f1		a6 f1		Nf4 f0							
g3 f0		Nc6 f1									
Bf3 f0		g6 f1									
O-O f0		Bf7 f1									
f3 f0		b1 f0									
Bd1 f0		c6 f0									
Ng2 e7		Ngf1 f0									
Sh6 e7		O-O f0									
h4 e7		Nd4 e8									
O-O-O e8		Ne2 e8									
Ne2 e8		Sh8 e8									
h5 e8		Re8 e8									
h9 e8		h9 e8									
Bh6 f1		Kf8 e1									
Af8 h8		Ng8 e1									
a5 f1		Ra7 f1									
Rd4 f1		d5 f1									
Rg8 f1		Kd7 f1									
Rd7 f1		Rf8 f1									
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
SUS		Fang		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07

Group G11

Round 2

Board 20

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Sun Yucan (SD)		Zhumabek Nursay		CHN		KAZ		RESULT (W)		RESULT (B)	
1		2		3		4		5		6	
e4 c5		Kh7 b5									
Kc3 a6		Nc6									
g3 c6		g6									
c9 c6		g6									
d5 c9		c9									
c9 c6		b6									
f0 c6		e6									
e2 c6		Kc7									
c6 c6		O-O									
h4 e4		e4									
O-O-O		Kc2									
e2 c6		Kc8									
h5 e8		Ne8									
h9 e8		h9									
c6 e8		Kp6 e8									
Kc8		Kg8									
e5 e8		Ne7									
Kc1 d5		d5									
Ne3		Kp6 e7									
Ne7		Ne6									
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
SUS		Fang		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

深圳国际象棋公开赛
文化广电体育旅游局Date
18.7.2026

Group

G12

Round

2

Board

21

WHITE Elaf Abdullah Shazmeen				FED MDV		RESULT (V) +	
BLACK Shrestha Nihana				FED NEP		RESULT (II) -	
□	WHITE	BLACK	□	WHITE	BLACK	□	WHITE
1	e4		21			41	
2			22			42	
3			23			43	
4			24			44	
5			25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)	
4/4/11						Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:48
Group
G12
Board
2
Date
18/12/26
Board
22

WHITE		BLACK		FID		RESULT (W)		
Nguyen Thi Phuong Anh		Thadar Htet Ko		VIE		1		
BLACK				MYA		RESULT (B)		
						0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nb3	Qe5	11		
2	Nf3	Nc6	22	Qe5	Re5	12		
3	d4	ed	23	f4	Re7	13		
4	Nd4	Bc5	24	Nc5	Ra8	14		
5	Be3	Nf6	25	g4	g5	15		
6	Nc6	bc	26	pg	hg	16		
7	Bc5	d6	27	Rd5	Re5	17		
8	Bd4	O-O	28	Re5	Re5	18		
9	Bf6	Qp6	29	Nc4		19		
10	c3	Re8	30			20		
11	Nd2	d5	31					
12	Qf3	Bp5	32					
13	O-O-O	de	33					
14	Qe3	h6	34					
15	Be2	Qg6	35					
16	Nb3	Bg4	36					
17	Bg4	Qg4	37					
18	Qg3	Qf5	38					
19	Nd4	Qp6	39					
20	Rhe1	c5	40					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Anh				Thadar				
				Fang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:48
Group
G12
Board
2
Date
18/12/26
Board
22

WHITE				BLACK				
WCM Nguyen Thi Phuong Anh				Thadar Htet Ko				
FID 1875				FID 0				
RESULT (W)				RESULT (B)				
1				0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nb3	Qe5	11		
2	Nf3	Nc6	22	Qxe5	Rxe5	12		
3	d4	exd4	23	f4	Re7	13		
4	Nxd4	Bc5	24	Nxc5	Ra8	14		
5	Be3	Nf6	25	g4	g5	15		
6	Nxc6	Bbxc6	26	fxg5	hxg5	16		
7	Bxc5	d6	27	Rd5	Re5	17		
8	Bd4	O-O	28	Rxe5	Rxe5	18		
9	Bxf6	Qxf6	29	Nxe4		19		
10	c3	Re8	30			20		
11	Nd2	d5	31			21		
12	Qf3	g5	32			22		
13	O-O-O	exd4	33			23		
14	Qe3	h6	34			24		
15	Be2	Qg6	35			25		
16	Nb3	Bg4	36			26		
17	Bxg4	Qxg4	37			27		
18	Qg3	Qf5	38			28		
19	Nd4	Qf6	39			29		
20	Rhe1	c5	40			30		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Anh				Thadar				
				Fang				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18 Round: 23

WHITE				BLACK				
#				#				
1	e4	e5	21	d4	h3	11	Rd1	Bf3
2	Nf3	Nc6	22	b4	Nf4	12	g5	Re3
3	Bb5	a6	23	Ne2	g5	13	f4	Rf3
4	Ba4	Nf6	24	f3	Bd7	14	Kf3	Rb3
5	a-o	Be7	25	Nf4	ef	15	Kf3	Kf8
6	Re1	b5	26	Bf2	o4	16	Rd1	Rh2
7	Bb3	a-o	27	h4	Bj7	17	e5	de
8	c3	d6	28	h3	h3	18	fe	Re2
9	h3	Nc5	29	Kh1	Nh5	19	db	Rd6
10	Bc2	c5	30	Rb1	Ng3	20	Re4	Re3
11	d4	Qc7	31	Bg3	f9	21	Rd4	Be5
12	Q4	Bb7	32	Nf1	g4	22	Rd4	Bd6
13	d5	Nc4	33	M3	Qd8	23	Re6	fe
14	b3	Nbb	34	Rd1	Qd4	24	Rd6	Kf7
15	Q5	Nbd7	35	Kg1	Qb3	25	Rd7	Ke7
16	Be3	Rfe8	36	Bd1	g5	26	Rd7	Kd8
17	Nbd2	Nf8	37	Bf3	Re5	27	Rd7	Re3
18	Nf1	Nf6	38	Qf2	Qf2	28	Rd3	Bb4
19	Nf3	Bf8	39	Kf2	R35	29	Rb6	Ba5
20	Nb2	Bc8	40	Re3	Bj4	30	Rb5	Bc7

SIGNATURE		DATE/TIME	
LIM YUANJIA		Tong	

SIGNATURE (WHITE)
Lin Yuanjia

SIGNATURE (BLACK)
Fong

SIGNATURE (WHITE)
Fong

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.18 Round: 23

WHITE				BLACK			
#				#			
1	Rc5	Bd6	21				
2	Rd5	Rd3	22				
3	Ra5	c3	23				
4	Ra8	Kc7	24				
5	Ra7	Kbb	25				
6	Ra1	c2	26				
7	Rc1	Rc3	27				
8			28				
9			29				
10			30				
11			31				
12			32				
13			33				
14			34				
15			35				
16			36				
17			37				
18			38				
19			39				
20			40				

SIGNATURE (WHITE)
Lin Yuanjia

SIGNATURE (BLACK)
Fong

SIGNATURE (WHITE)
Fong

Date	Board
2024-07-16	28

Date	Board
2024-07-16	28

Date	Boat
7/18	

Date	Boat
7/18	

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (MILAD)	SIGNATURE (ARBITER)
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board

Result

OD

1

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	c4	c5	21	Kd1	Rxb2	41					
2	Nf3	d6	22	Ke1	Qxc3	42					
3	d4	cx d4	23	Kp2	Nh5	43					
4	Uxd4	Nf6	24	Rhcl	Bh4+	44					
5	Nc3	a6	25	Kg1	Ng3	45					
6	h3	e5	26	Qe1	Qd3	46					
7	Nb3	Be6	27	Kn2	Nf5	47					
8	Be3	Be7	28	Qf1	Qxc3	48					
9	Bd3	Nc6	29	Rd1	Bg3+	49					
10	Qe2	Nb4	30	Kh1	Rxd2	50					
11	0-0-0	Qc7	31	Rxd2	Qxd2	51					
12	Kb1	b5	32	a4	Nb3	52					
13	Nd6	Nbxd6	33	Qg1	Rb8	53					
14	exd6	bxd6	34	Ra3	Rb1	54					
15	f3	Bc4	35	a5	Qxg2+	55					
16	Nd2	d5	36			56					
17	Bxc4	bx c4	37			57					
18	c3	Rb8	38			58					
19	Kc2	Qd5	39			59					
20	Ra1	0-0	40			60					

SIGNATURE (WHITE) De Lichayen SIGNATURE (BLACK) Fana

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board

Result

OD

1

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	e4	1:30:58	c5	1:30:55	21	Kd1	1:17:25	Rd1	1:11:37	41	
2	Nf3	1:31:20	d6	1:31:22	22	Ke1	1:17:17	Qd3	1:11:31	42	
3	d4	1:31:13	cx d4	1:31:47	23	Kp2	1:17:37	Nh5	1:10:28	43	
4	Uxd4	1:31:15	Nf6	1:32:12	24	Rhcl	1:17:47	Bh4+	1:10:19	44	
5	Nc3	1:32:19	a6	1:32:34	25	Kg1	1:17:47	Ng3	1:10:05	45	
6	h3	1:32:35	e5	1:32:07	26	Qe1	1:17:46	Qd3	1:10:05	46	
7	Nb3	1:32:42	Be6	1:32:02	27	Kn2	1:17:46	Nf5	1:10:05	47	
8	Be3	1:32:42	Be7	1:31:37	28	Qf1	1:17:46	Qxc3	1:10:05	48	
9	Bd3	1:32:42	Nc6	1:31:09	29	Rd1	1:17:46	Bg3+	1:10:05	49	
10	Qe2	1:32:42	Nb4	1:31:19	30	Kh1	1:17:46	Rxd2	1:10:05	50	
11	0-0-0	1:32:42	Qc7	1:31:19	31	Rxd2	1:17:46	Qxd2	1:10:05	51	
12	Kb1	1:32:42	b5	1:31:19	32	a4	1:17:46	Nb3	1:10:05	52	
13	Nd6	1:32:42	Nbxd6	1:31:19	33	Qg1	1:17:46	Rb8	1:10:05	53	
14	exd6	1:32:42	bxd6	1:31:19	34	Ra3	1:17:46	Rb1	1:10:05	54	
15	f3	1:32:42	Bc4	1:31:19	35	a5	1:17:46	Qxg2+	1:10:05	55	
16	Nd2	1:32:42	d5	1:31:19	36					56	
17	Bxc4	1:32:42	bx c4	1:31:19	37					57	
18	c3	1:32:42	Rb8	1:31:19	38					58	
19	Kc2	1:32:42	Qd5	1:31:19	39					59	
20	Ra1	1:32:42	0-0	1:31:19	40					60	

SIGNATURE (WHITE) De Lichayen SIGNATURE (BLACK) Fana

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:13

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	e6	21	Bc6	Nc6	41	Rh8	Bh8			
2	d3	d5	22	bc	Rc8	42	Rc1	Rc5			
3	Re2	Nf6	23	Rc1	O-O	43	Rc5	bc			
4	Nf3	Be7	24	f4	gf	44	Kc4	Ke8			
5	g3	c5	25	gf	Rf6	45	Kc5	d3			
6	c5	Nf6	26	Kf2	Bh4	46	Kc4	Bb2			
7	Ba2	Nc6	27	Kf3	f5	47	Kd3	Ba3			
8	c4	dc	28	Rh1	Bf6	48	Kc4	Kf7			
9	dc	Rc7	29	Rc6	Bg7	49	Bd2	Ke6			
10	Bf4	hb	30	Ke2	Rc6	50	Ra5	fe4			
11	h4	bb	31	Kd3	Kf7	51	Kd3	Bc5			
12	O-O	Bab	32	Rh7	Rg8	52	Ke4	Bab			
13	Ne3	Rd8	33	Bb4	a5	53	Bd2	Kd7			
14	Rad1	Nd4	34	Bel	Rc7	54	Bf4	Bf4			
15	Nd4	cd	35	Bh4	Rd7	55	Kf4	Kc6			
16	Nb5	Bb5	36	a4	Bc5	56	a5	Kb5			
17	cb	g5	37	Bf2	Kf8	57	a6	Kab			
18	hg	hg	38	Bh4	e5	58					
19	Bd2	Qe5	39	fe	Re5	59					
20	Re5	Nre5	40	Bc5	Rh8	60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
An		Zhang Jialan		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:13

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	e6	21	Tf6	Nc6	41	Xh8	Tk8			
2	d3	d5	22	bc	Xc8	42	Xc1	Xc5			
3	Hd2	Mf6	23	Xc1	O-O	43	Xc5	Xc5			
4	Mf3	Te7	24	f4	gf	44	Vc4	Vd8			
5	g3	c5	25	gf	Xfd8	45	Ve5	d3			
6	e5	Nd7	26	Vf2	Tb4	46	Vc4	Tb2			
7	Tg2	Mc6	27	Vf3	fs	47	Vd3	Ta3			
8	c4	dc	28	Xh1	Tf6	48	Vc4	Vf2			
9	dc	h7	29	Xc1	Tg7	49	Td2	Vd6			
10	Tf4	R6	30	Ve2	Xc6	50	Ta5	f4			
11	R4	B6	31	Vd3	Vf7	51	Vd6	Tc5			
12	O-O	Ta6	32	Xh1	Tg8	52	Vd4	Td6			
13	Mf3	Xd8	33	Tg4	R5	53	Td2	Vd7			
14	Xad1	Md4	34	Td1	Xc7	54	Tf4	Tf4			
15	Nd4	cd	35	Tb4	Xd7	55	Vf4	Vf6			
16	Mb5	Tb5	36	R4	Xd5	56	B5	Vb5			
17	cb	g5	37	Tf2	Ve8	57	Qb6	Va6			
18	Rg	Rg	38	Tb4	e5	58					
19	Td2	He5	39	fe	Xde5	59					
20	Rd5	Rd5	40	Tg5	Xh8	60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
An		Zhang Jialan		Fang							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:57
Group G12
Round 02
Date 18/03/2026
Board 27

WHITE				BLACK			
Shen, Suyan				CHN			
Nguyen Thi Truc Lam				VIE			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	a4	Ne6	11	
2		c4	22	b5	ab	12	
3	Mc3	Nf6	23	ab	cb	13	
4	cd	ed	24	Rc7	Qc7	14	
5	Bg5	Be7	25	Bb5	Ne4	15	
6	e3	00	26	Qb2	Qc8	16	
7	Bd3	h6	27	Qc2	Rc2	17	
8	Bh7	c6	28	Bd3	Rc9	18	
9	Qc2	Be6	29			19	
10	Nge2	Nh5	30			20	
11	Be7	Qe7	31			21	
12	00	Nd7	32			22	
13	Ng3	Ng3	33			23	
14	hg	Nf6	34			24	
15	Ne2	Rfe8	35			25	
16	Rab1	Rac8	36			26	
17	h4	Rc7	37			27	
18	Rfd1	Rec8	38			28	
19	Nf4	Ne8	39			29	
20	Qc2	ab	40			30	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Shen Suyan				Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:57
Group G12
Round 2
Date Jul 18th
Board 27

WHITE				BLACK			
Shen Suyan				CHN			
Nguyen Thi Truc Lam				VIE			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	a4	Na6	11	
2	c4	c6	22	b5	ab	12	
3	Mc3	Nf6	23	ab	cb	13	
4	cd	ed	24	Ng7	Qe7	14	
5	Bg5	Be7	25	Bb5	Ne9	15	
6	e3	00	26	Qb2	Qc2	16	
7	Bd3	h6	27	Qc2	Rc2	17	
8	Bh7	c6	28	Bd3	Rc7	18	
9	Qc2	Be6	29			19	
10	Nge2	Nh5	30			20	
11	Be7	Qe7	31			21	
12	00	Nd7	32			22	
13	Ng3	Ng3	33			23	
14	hg	Nf6	34			24	
15	Ne2	Rfe8	35			25	
16	Rab1	Rac8	36			26	
17	h4	Rc7	37			27	
18	Rfd1	Rec8	38			28	
19	Nf4	Ne8	39			29	
20	Qc2	ab	40			30	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Shen Suyan				Fang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.02 Board 28

Shakhovaniyariya				Rus				rus			
Wit				Wit				Wit			
Black				Black				Black			
XU Wen				CHN				CHN			
#	WIT	BLACK	#	WIT	BLACK	#	WIT	BLACK	#	WIT	BLACK
1	d4	d5	11	CC4	NP87	11	g4	CC3			
2	Kf3	Kf6	22	Kf5	NP4	12	CC4	d5			
3	C4	e6	23	Wd6	NP88	13	g5	f29			
4	g3	e5	24	Wd6	NP87	14	CC7	C:es			
5	C:d	ed	25	C:d	CC	15	f:et	K:es			
6	Cg2	Kc6	26	b3	NP8	16	NP83	g4			
7	d:c	C:c	27	Cd5	f5	17	CC2	NP85			
8	O-O	O-O	28	CC	f6	18	NP42	NP95			
9	KC3	CC6	29	f4	CC3	19	NP93	NP165			
10	Cg5	h6	30	CC6	NP	20	C:94	NP95			
11	C:f6	g:f6	31	C:f5	NP6	21	NP43	NP6			
12	Qf2	NP4	32	NP94	CC2	22	NP24	h5			
13	NPd1	CC6	33	e4	CC3	23	C:h5	NP26			
14	NPd5	C:d	34	NP43	CC4	24	NP44	NP6			
15	Q:d5	Q:d5	35	NP4	CC1	25	KPC4	KPC6			
16	N:d5	NP8	36	N4	CC2	26	CC3	KPC6			
17	N:d4	N:h5	37	NP43	CC1	27	g3	NP96			
18	N:h5	N:h5	38	h5	Q6	28	b4	NP66			
19	N:h8	NP8	39	C:h	NP8	29	Q4	NP26			
20	NP4	CC7	40	CC7	NP6	30	LC65	NP42			
SIGNATURE (WIT)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WIT)			
-Utama				XU Wen				Tong			

Signature (WHITE) Xu Wen

Signature (BLACK) Fang

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.02 Board 28

Shakhovaniyariya				Rus				10/03/2020							
XU Wen				CHN				0							
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT				BLACK			
WIT				BLACK				WIT							

Signature (WHITE) Xu Wen

Signature (BLACK) Fang

Group	G 12
Friend	2
Board	29

Fang

SHENZHEN SHENGDA ELECTRONICS CO., LTD.
 深圳市宝安区西乡街道铁岗社区铁岗山工业园A栋5楼501室
 深圳市宝安区西乡街道铁岗社区铁岗山工业园A栋5楼501室

Group	B12
Round	2
Board	29

Fany

10:32

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
18 07 26Group
G12
Round
2
Board
30

WHITE Aishath Naya Shahurudheen Shareef			FID MDV			RESULT (T) 0		
BLACK May Mahar			FID MYA			RESULT (T) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qd2	Qb4	11		
2	Nf3	Nc6	22	Kh1	Qh3	12		
3	Bc4	Bc5	23	Rg1	g3	13		
4	Nc3	Nf6	24	Rxg3	Rxg3	14		
5	o-o	d6	25	fxf3	Bf2+	15		
6	d3	Bg4	26	Qg2	Qng2#	16		
7	h3	Bh5	27			17		
8	Be3	Nd4	28			18		
9	Bxd4	Bxd4	29			19		
10	Qe2	Qd7	30			20		
11	Bb3	o-o-o	31			21		
12	a4	Rhg8	32			22		
13	Nb5	Bc5	33			23		
14	Rad1	a6	34			24		
15	Nc3	g5	35			25		
16	g4	Nxg4	36			26		
17	hxg4	Qxg4+	37			27		
18	Kh2	Qf4+	38			28		
19	Kg2	g4	39			29		
20	Nh2	Qg5	40			30		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Weiai		Cao Yuxuan		CHN		CHN		7.18		31	
1		2		3		4		5		6	
e4		e5		21		Bd5		Ne7		41	
Nf3		Nf6		22		Bg2		Bg2		42	
Ne5		d6		23		Kg2		ab		43	
Nf3		Ne4		24		Rd1		ab		44	
d4		d5		25		Re7		Rf8		45	
Bd3		Be7		26		Rd7		Red8		46	
o-o		Nc6		27		Red1		Rd7		47	
c4		Nb4		28		Rd7		Rf8		48	
Be2		o-o		29		f5		g6		49	
Ne3		Nf6		30		e6		fe		50	
a3		Nc6		31		Rh7		Kg8		51	
Bf4		dc		32		fg		bb		52	
Bc4		Bd6		33		Re7		Rd8		53	
Ne5		Be5		34		Rc7		Rd2		54	
de		Qd1		35		h4		Rb2		55	
Rad1		Nh5		36		h5		Rb3		56	
g3		Nf4		37		h6		Ra3		57	
gf		Ba3		38		h7		Kh8		58	
Re1		Rad8		39		Rc8		Kg7		59	
Nb5		Rc8		40		h8=Q		Kg6		60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		Zhang Weiai		Cao Yuxuan		Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Weiai		Cao Yuxuan		CHN		CHN		7.18		31	
1		2		3		4		5		6	
e4 1:30		e5 1:30		21		Bd5 42		Ne7		41	
Nf3 1:31		Nf6 1:31		22		Bg2 28		Bg2 1:12		42	
Ne5		d6		23		Kg2 28		ab 1:12		43	
Nf3		Ne4		24		Rd7 27		ab 1:12		44	
d4		d5		25		Re7 27		Rf8		45	
Bd3		Be7		26		Rd7 27		Red8		46	
o-o		Nc6		27		Red1 26		Rd7		47	
c4		Nb4 1:33		28		Rd7 26		Kf8 1:13		48	
Be2 1:33		o-o 1:31		29		f5 23		g6		49	
Ne3 1:32		Nf6 1:28		30		e6		fe		50	
a3 1:29		Nc6 1:28		31		Rh7		Kg8		51	
Bf4 1:21		dc 1:25		32		fg		bb		52	
Bc4 1:19		Bd6 1:24		33		Re7		Rd8		53	
Ne5 1:11		Be5 1:22		34		Rc7		Rd2		54	
de 1:11		Qd1 1:20		35		h4		Rb2		55	
Rad1 1:10		Nh5 1:20		36		h5		Rb3		56	
g3 1:01		Nf4 1:18		37		h6		Ra3		57	
gf 1:01		Ba3 1:17		38		h7		Kh8		58	
Re1 1:01		Rad8 1:16		39		Rc8		Kg7		59	
Nb5 48		Rc8 1:15		40		h8Q		Kg6		60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		Zhang Weiai		Cao Yuxuan		Fang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26 Board 32

WHITE PAN XI				FED CHN				RESULT 00			
BLACK VARENYA LAKSHMI YAKA				FED IND				RESULT 00			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5(86)	21	exd5	Bxd5(70)	41	Kd2	a4(70)			
2	Nf3	Nc6(86)	22	b3	Nes(71)	42	Kd2	Rb3(70)			
3	Bb5	a6(87)	23	Nxe5	Rxe5(70)	43	Kc2	Rb8(70)			
4	Ba4	Nf6(87)	24	Qb2	AxeH(69)	44	Kd3	a3(71)			
5	O-O	b5(88)	25	Qxe1	Ra8(67)	45	Kc4	a2(71)			
6	Bb3	Bd3(88)	26	Qd1	Bc5(66)	46	Kc5	Q1=Q(71)			
7	Re1	d6(88)	27	Bxf6	Qxg3(64)	47	Kc4	QcH(72)			
8	C3	Nas(88)	28	Bh7+	Kxh7(65)	48	Kd3	Rd8+(72)			
9	Bc2	c5(89)	29	Qxd5	Qxf2(66)	49	Ke2	Qd1+(73)			
10	d4	exd4(89)	30	Kh1	Qxf6(65)	50	Kf2	Rd2+(73)			
11	Cxd4	O-O(89)	31	Qxc5	Qxh4(65)	51	Ke3	Qe2+(73)			
12	h3	Bb7(89)	32	Kh2	Qg5+(66)	52	Kf4	Rd4+(74)			
13	Nbd2	Cxd4(89)	33	Qxe5	Rxe5(66)	53	Kf5	Qe4+			
14	Nxd4	Rc8(89)	34	Kg3	Re2(71)	54					
15	Nf3	Rex(89)	35	Q4	bxa4(67)	55					
16	Nb3	NcH(86)	36	bxa4	Ra2(68)	56					
17	Nbd4	h6(85)	37	Kf3	Rxa4(68)	57					
18	Nf5	Bf8(85)	38	g3	Ra3+(68)	58					
19	Ng3	Qc7(83)	39	Kf2	aex(69)	59					
20	Bd3	d5(75)	40	Q4	Rxh3(69)	60					
SIGNATURE (WHITE) Pan Xi				SIGNATURE (BLACK) Fang				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26 Board 32

WHITE Pan Xi				FED CHN				RESULT 00			
BLACK VARENYA LAKSHMI YAKA				FED IND				RESULT 00			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd6	Bd5	41	Kd2	a4			
2	Nf3	Nc6	22	b3	Nes	42	Kd2	Rb3			
3	Bb5	a6	23	Nes	Res	43	Kc2	Rb8			
4	Ba4	Nf6	24	Bb2	Rd1	44	Kd3	a3			
5	O-O	b5	25	Oe1	Re6	45	Kc4	a2			
6	Bb3	Bd7	26	Rd1	Bc5	46	Kc5	Q1=Q			
7	Re1	d6	27	Rf6	a3	47	Kc4	Qc1			
8	C3	Nas	28	Bh7	Kh7	48	Kd3	Rd8			
9	Bc2	c5	29	Ods	Oe2	49	Ke2	Qd1			
10	d4	ed	30	Kh1	af6	50	Kf2	Rd2			
11	Cd4	O-O	31	Oe5	Oa1	51	Ke3	Qe2			
12	h3	Bb7	32	Kh2	Oe5	52	Kf4	Rd4			
13	Nbd2	col	33	aex	Rex	53	Kf5	Qe4			
14	Nxd4	Ros	34	Kg3	Re2	54					
15	Nf3	Rex	35	Q4	ba	55					
16	Nb3	Nc4	36	ba	Ra2	56					
17	Nbd4	h6	37	h6	Ra4	57					
18	Nf5	Bf6	38	g3	Ra3	58					
19	Ng3	ac7	39	Kf2	a5	59					
20	Bd3	ds	40	Q4	Rh3	60					
SIGNATURE (WHITE) Pan Xi				SIGNATURE (BLACK) Fang				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group		G12			
2026年 第28届 亚洲青少年国际象棋锦标赛						Round		2			
						Date		18/10/2026			
Victoria Tjandra						THA		1			
Ding Shixuan						CHN		0			
#		WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK	
1	e4	a0 c5	21	Nb5	g9 Na5	73	11	Qe4	Rd6+		
2	Nf3	q1 d6	22	8c4	g1 a6	73	12	Kf1	h5		
3	c3	a1 Nf6	23	Na3	60 Rf8	54	13	Nf3	Kh6		
4	Bc2	q1 Nxe4	24	Rf1	54 a4	48	14	Qf4+	Kh7		
5	Qa4+	q2 Bd7	25	b4	58 Nxa4	48	15	Ng5+	Kh6		
6	Qe4	q2 Bc6	26	58 58 Ra8	46		16	Nxf7+	Kh7		
7	Qc2	a2 g6	27	Bb5	57 Qa7	44	17	Qc5	d3		
8	0-0	q2 Bg7	28	Nc2	56 Qc7	44	18	Qxh5+	Rh6		
9	a4	q2 0-0	29	Rxa4	55 Rxd8	40	19	Nxh6	Bxh6		
10	d4	q1 Nd7	30	f5	52 Qc8	40	20	Ra7+	Kg8		
11	Bf4	q0 b6	31	Bh4	50 Rd5	39	21	Qe2+	Bf8		
12	Nbd2	40 Re8	32	Bd3	48 gxf5	36	22	Qg6+	Kh8		
13	Nc4	86 Rc8	33	Be7	48 Re8	36	23	Qh7#			
14	Qd2	85 Bxf3	34	Qg5	47 h6	34	24				
15	gxf3	83 d5	35	Qg2	47 Qc6	33	25				
16	Na3	81 e5	36	Bb5	43 Rxe7	33	26				
17	dxe5	80 Nxe5	37	43 Bxb6	Rxe1	33	27				
18	Bg3	75 d4	38	Nxe1	43 Rdb	33	28				
19	Qd4	72 Qd4	39	Ra8	43 Kh7	34	29				
20	f4	71 Nd7	40	Bd4	43 fxe4	34	30				
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)					
						Ding Shixuan					
						Tang					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026						Group		Round		Date		Board					
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛						G12		2		2026.7.18		33					
    						Tjandra Victoria		THA		RESULT (1)		1					
Ding Shixuan						CHN		RESULT (0)		0							
#		WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK		#		WHITE		BLACK	
1		e4		c5		21		Nb5		Nc5		41		Qe4		Kg6	
2		Nf3		d6		22		Bc4		a6		42		Kh1		h5	
3		c3		Nf6		23		Na3		Rf8		43		Nf3		Kh6	
4		Be2		Ne4		24		Re1		Qd7		44		Rf4		Kh7	
5		Qa4		Bd7		25		b4		Na4		45		Ng5		Kh6	
6		Qe4		Bc6		26		Bab		Ra8		46		Nf7		Kh7	
7		Qc2		g6		27		Bb5		Qa7		47		Qf5		d3	
8		0-0		B37		28		Nc2		Qc7		48		Qh5		Rh6	
9		a4		0-0		29		Ra4		Qad8		49		Nh6		Bh6	
10		d4		Nd7		30		f5		Qc8		50		Ra7		Kg8	
11		Bf4		b6		31		Bh4		Rd5		51		Qe8		Bf8	
12		Nd2		Re8		32		Bd3		gf		52		Qg6		Kh8	
13		Nc4		Re8		33		Se7		Re8		53		Qh7#			
14		Qd2		Bh3		34		Qg5		h6		54					
15		gf		d5		35		Qg2		Qc6		55					
16		Na3		e5		36		Bb5		Re7		56					
17		dc		Nc5		37		Bc6		Re1		57					
18		Bg3		d4		38		Ne1		Rdb		58					
19		cd		cd		39		Ra8		Kh7		59					
20		f4		Nd7		40		Be4		fe		60					
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
						Ding Shixuan						Tang					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:19

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	d5	21	Kf2	Rb8	41	Kf3	ke5			
2	c4	e6	22	Ba1	Rb2+	42	Ke3	Kd6			
3	Nf3	Nf6	23	Re2	Rxe2+	43	Kce2	Ke5			
4	Nc3	Bb4	24	Kce2	f6	44	Kd3	Kd6			
5	Bg5	Nb6	25	Nd3	Bg4+	45	Ke3	Ke5			
6	Bh4	g5	26	Kd2	Bf5	46					
7	Bg3	Ne4	27	Nc5	Be4	47					
8	Qc2	Nc6	28	Nxe4	dxe4	48					
9	e3	Nxf5	29	c4	Kd6	49					
10	hug3	Qxc3+	30	Kc3	c5	50					
11	dx3	Qc6	31	dxc5+	Kd5	51					
12	cxd5	Bxd5	32	g4	a6	52					
13	bb5	Bf5	33	a3	a5	53					
14	Ba4	Ke7	34	at	c6	54					
15	Bxc6+	Qxc6	35	g3	Kd6	55					
16	Qxc6+	Bxc6	36	Kd4	c5	56					
17	Nc5	Bd7	37	Kxe4	Ke6	57					
18	f4	Rab8	38	Kd3	Ke5	58					
19	Bg5	Nf5	39	e4	Kd6	59					
20	Qc2	Rb8	40	Ke2	Kc6	60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Fang

Huang zhiyong

Fang

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:19

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	d5	21	Kf2	Rb8	41	Kf3	ke5			
2	c4	e6	22	Re1	Rb2	42	Ke3	Kd6			
3	Nf3	Nf6	23	Re2	Rxe2	43	Ke2	Ke5			
4	Nc3	Bb4	24	Kxe2	f6	44	Kd3	Kd6			
5	Bf6g5	h6	25	Nd3	Bg4	45	Ke3	Ke5			
6	Bh4	g5	26	Kd2	Bf5	46					
7	Bg3	Ne4	27	Nc5	Be4	47					
8	Qc2	Nc6	28	Nxe4	de	48					
9	e3	Nxf5	29	c4	Kd6	49					
10	h9	Bxc3	30	Kc3	c5	50					
11	bc	Qf6	31	dc	Ke5	51					
12	cd	ed	32	g4	a6	52					
13	Bf5 Bb5	Bf5	33	a3	a5	53					
14	Qa4	Ke7	34	a4	c6	54					
15	Bxc6	Qxc6	35	g3	Kd6	55					
16	Qxc6	bc	36	Kd4	c5	56					
17	Nxe5	Bd7	37	Kxe4	Ke6	57					
18	f4	Rb8	38	Kd3	Ke5	58					
19	f9	h9	39	e4	Kd6	59					
20	Rxh8	Rxh8	40	Ke2	Ke6	60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

Darashid, Bee Bheerada

Huang zhiyong

Fang

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11:18

WHITE Zowena Mekhish				BLACK WAN BAN				- 870424		25	
BLACK Wong Lihui				WHITE CWN				WHITE		0	
#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK
1	e4		e5	21	Qxf6		gxf6	11	Bb3+		Kf5
2	Nf3		Nc6	22	Ngf5		Nf4	12	Nd6		f3
3	Bb5		a6	23	Bxf4		exf4	13	f4		Ag2
4	Ba4		b5	24	exd4		Bd6	14	hxf5		Ag5
5	Bb3		Nf6	25	Rac2		Bb7	15	a4		g4
6	O-O		Bc5	26	Nxd6		Cxd6	16	Rf4+		Kg8
7	Re2		O-O	27	Rc7		Re7	17	Nc3		Kh8
8	c3		h6	28	Rec2		b4	18	Kf6		g3
9	d3		Ng4	29	Rxe7		Kxf7	19	Rh7#		
10	Rf2		Nf6	30	Rc7+		Kd8	20			
11	h3		d5	31	Rxb7		Nd7	21			
12	Re1		Re8	32	Ba4		Nf8	22			
13	Nbd2		d4	33	Bxf7		Ne8	23			
14	Nf2		a5	34	Nf5		Re8	24			
15	a3		Nd7	35	Rd7+		Kc8	25			
16	Ng3		Qf6	36	Nxd6		Kf8	26			
17	Nf5		Nb6	37	Nxc8		bxc8	27			
18	Nh4		Ne7	38	bxa3		Ng5	28			
19	Qf3		Ng6	39	Bb3		a4	29			
20	Nxh6+		Kf8	40	Bxa1		Kg8	30			
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) Wong Lihui				SIGNATURE (OBTURATOR) Tand			

Tand

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11:18

WHITE				BLACK				P.D		P.D		RESULT			
Zowena Mekhish				Wang Lihui				BAN		CHIN		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	11	Qf6	g7	11	Bb3	Kf8							
2	Nf3	Nc6	12	Nf5	Nf4	12	Nd6	f3							
3	Bb5	a6	13	Bf4	ef	13	h4	f3							
4	Ba4	b5	14	Ca	Bd6	14	h3	f5							
5	Bb3	Nf6	15	Rac1	Bb7	15	a4	g4							
6	O-O	Bc5	16	Nd6	cd	16	Rf7	Kg8							
7	Re1	O-O	17	Rc7	Re7	17	Ne8	Kh8							
8	c3	h6	18	Re1	b4	18	Nf6	g3							
9	d3	Ng4	19	Re7	Ke7	19	Rh7#								
10	Rf1	Nf6	20	Rc7	Kd8	20									
11	h3	d5	21	Rb7	Nd7	21									
12	Re1	Re8	22	Ba4	Nf8	22									
13	Nd2	d4	23	Rf7	Ne8	23									
14	Nf1	a5	24	Nf6	Re8	24									
15	a3	Nd7	25	Rd7	Ke8	25									
16	Ng3	Qf6	26	Nd6	Kf8	26									
17	Nf5	Nb6	27	Nc8	ba	27									
18	Nh4	Ne7	28	ba	Ng5	28									
19	Qf3	Ng6	29	Bb3	a4	29									
20	Nh6	Kf8	30	Ba4	Kg8	30									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
				Wang Lihui								Tana			

Fang